

**Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế
Hoàng Anh Gia Lai**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2018



Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Giám đốc	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	11 - 78

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 5900712753 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp vào ngày 26 tháng 5 năm 2010 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“SGDCKHCM”) theo Quyết định số 278/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 10 tháng 7 năm 2015 với mã giao dịch là “HNG”.

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty có mười một (11) công ty con trực tiếp, mười (10) công ty con gián tiếp và một (1) công ty liên kết.

Hoạt động chính được đăng ký của Công ty và các công ty con (“Nhóm Công ty”) là chăn nuôi và kinh doanh bò sữa và bò thịt; trồng và kinh doanh cao su, cọ dầu, trái cây; sản xuất và mua bán cây giống; cung cấp dịch vụ trồng trọt và các vật liệu liên quan; xây dựng nhà các loại; xây dựng công nghiệp và các công trình dân dụng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phú Đồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch
Ông Võ Trường Sơn	Thành viên
Ông Đoàn Nguyên Thu	Thành viên
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên
Bà Võ Thị Huyền Lan	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Ánh	Thành viên
Ông Nguyễn Quan Anh	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	
Ông Nguyễn Đức Quang	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 18 tháng 7 năm 2018
Bà Nguyễn Thị Hải Yến	Trưởng ban	từ nhiệm ngày 18 tháng 7 năm 2018
Bà Nguyễn Thị Hải Yến	Thành viên	bổ nhiệm ngày 18 tháng 7 năm 2018
Ông Phạm Ngọc Châu	Thành viên	
Ông Dương Trần Hùng	Thành viên	từ nhiệm ngày 23 tháng 6 năm 2018

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Tổng Giám đốc
Ông Phan Thanh Thủ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Ánh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trịnh Xuân Nhân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Đình Quý	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quan Anh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Đình Vỹ	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Bà Võ Thị Mỹ Hạnh.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Võ Thị Mỹ Hạnh
Tổng Giám đốc

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2018

Số tham chiếu: 61280353/20416338/HN

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (“Công ty”) và các công ty con (“Nhóm Công ty”), được lập ngày 29 tháng 8 năm 2018 và được trình bày từ trang 6 đến trang 78, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Nhóm Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

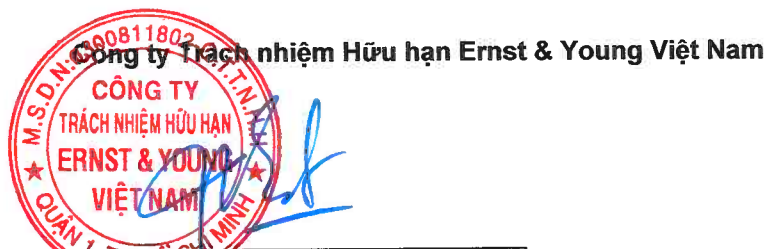
Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.2 của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được lập với giả định rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018, nợ ngắn hạn của Nhóm Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn là 1.380.179.920 ngàn VND. Ngoài ra, cũng vào ngày này, Nhóm Công ty đã vi phạm một số điều khoản của các khoản vay và trái phiếu như được trình bày tại các Thuyết minh số 23.2, 23.4 và 23.5 của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Nhóm Công ty.

Kết luận của chúng tôi về công tác soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.



Phạm Thị Cẩm Tú
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 2266-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 6 năm 2018

Ngàn VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		4.236.282.238	4.416.622.838
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	146.348.670	53.262.986
111	1. Tiền		146.348.670	50.262.986
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	3.000.000
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		2.804.163.617	3.315.582.027
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	2.424.564.824	2.008.940.531
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	167.577.091	735.872.145
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	82.456.340	357.633.041
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	136.503.422	226.179.121
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(6.938.060)	(13.042.811)
140	III. Hàng tồn kho	10	1.262.520.075	1.008.560.404
141	1. Hàng tồn kho		1.284.749.544	1.015.931.766
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(22.229.469)	(7.371.362)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		23.249.876	39.217.421
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	16	7.468.957	28.460.482
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		15.452.236	10.428.256
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		328.683	328.683
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		25.413.954.338	27.865.557.407
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		158.667.039	2.651.637.754
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	8	152.554.635	2.005.714.973
216	2. Phải thu dài hạn khác	9	6.112.404	645.922.781
220	II. Tài sản cố định		9.056.859.142	6.900.466.447
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	9.029.852.307	6.870.301.911
222	Nguyên giá		10.367.264.106	7.989.910.734
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.337.411.799)	(1.119.608.823)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	27.006.835	30.164.536
228	Nguyên giá		54.845.260	54.845.260
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(27.838.425)	(24.680.724)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		11.899.586.680	13.347.574.348
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	11.899.586.680	13.347.574.348
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn		301.560.517	861.491.710
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	15	301.560.517	861.491.710
260	V. Tài sản dài hạn khác		3.997.280.960	4.104.387.148
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	16	648.746.634	552.520.160
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	32.2	55.215.408	54.262.577
269	3. Lợi thế thương mại	17	3.293.318.918	3.497.604.411
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		29.650.236.576	32.282.180.245

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2018

Ngàn VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		18.414.805.718	22.129.411.861
310	I. Nợ ngắn hạn		5.616.462.158	6.237.227.278
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	18	291.265.520	684.133.747
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	19	167.775.651	368.099.058
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	20	48.819.894	71.013.027
314	4. Phải trả người lao động		65.969.958	60.471.407
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	21	1.248.678.994	1.273.106.206
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	24.010.127
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	22	2.135.094.439	2.031.335.114
320	8. Vay ngắn hạn	23	1.658.857.702	1.725.058.592
330	II. Nợ dài hạn		12.798.343.560	15.892.184.583
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	21	700.310.268	1.589.659.464
337	2. Phải trả dài hạn khác	22	1.291.389.268	1.854.427.184
338	3. Vay dài hạn	23	10.782.066.908	12.436.181.455
341	4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	32.2	24.577.116	11.916.480
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		11.235.430.858	10.152.768.384
410	I. Vốn chủ sở hữu		11.235.430.858	10.152.768.384
411	1. Vốn cổ phần	24.1	8.868.438.950	7.671.438.950
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		8.868.438.950	7.671.438.950
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	24.1	1.064.550.810	1.064.550.810
417	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	24.1	470.502.422	454.592.390
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	24.1	810.035.629	911.299.891
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		911.299.891	383.861.675
421b	- (Lỗ) lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		(101.264.262)	527.438.216
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	25	21.903.047	50.886.343
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		29.650.236.576	32.282.180.245

Phạm Thị Lưu Ly
Người lập

Hồ Thị Tuyết Loan
Kế toán trưởng



Võ Thị Mỹ Hạnh
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Ngàn VND

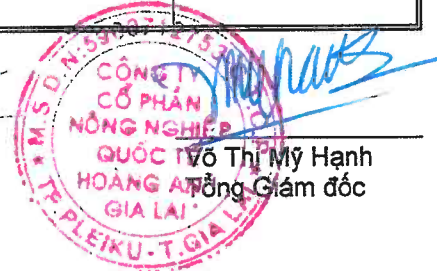
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (Trình bày lại - Thuyết minh số 38)
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	27.1	1.852.342.383	1.744.052.858
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	28	(984.184.434)	(1.181.921.162)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		868.157.949	562.131.696
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	27.2	135.489.786	882.068.390
22	5. Chi phí tài chính	29	(401.445.261)	(422.925.980)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		(320.783.266)	(396.447.455)
24	6. Phần lỗ trong công ty liên kết	15	(19.803.378)	(3.354.844)
25	7. Chi phí bán hàng	30	(65.100.809)	(38.161.060)
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	30	(321.505.678)	(257.662.479)
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		195.792.609	722.095.723
31	10. Thu nhập khác	31	13.201.866	78.479.940
32	11. Chi phí khác	31	(148.484.737)	(42.218.023)
40	12. (Lỗ) lợi nhuận khác	31	(135.282.871)	36.261.917
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		60.509.738	758.357.640
51	14. Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hiện hành	32.1	4.631.509	(24.292.608)
52	15. (Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại	32.2	(11.707.805)	104.180.700
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		53.433.442	838.245.732
61	17. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		47.430.709	839.609.808
62	18. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế của cổ đông không kiểm soát	25	6.002.733	(1.364.076)
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	26	56	1.094
71	20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND)	26	47	903



Phạm Thị Lưu Ly
Người lập



Hồ Thị Tuyết Loan
Kế toán trưởng



Ngày 29 tháng 8 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (Trình bày lại - Thuyết minh số 38)
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Lợi nhuận kế toán trước thuế		60.509.738	758.357.640
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)	11, 12, 17	473.973.966	491.528.048
03	Dự phòng		8.753.356	55.622
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		59.339.082	7.291.345
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(109.756.663)	(948.524.224)
06	Chi phí lãi vay	29	320.783.266	396.447.455
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		813.602.745	705.155.886
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(297.214.410)	577.655.010
10	Tăng hàng tồn kho		(268.817.778)	(207.761.010)
11	Tăng các khoản phải trả		1.130.442.957	173.791.586
12	Tăng chi phí trả trước		(105.151.051)	(226.997.139)
14	Tiền lãi vay đã trả		(316.339.337)	(71.788.339)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	32.1	(3.881.946)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		952.641.180	950.055.994
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(821.795.007)	(1.522.401.925)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		87.513.470	210.131.350
23	Tiền chi cho các đơn vị khác vay		(21.171.317)	(205.705.040)
24	Tiền thu hồi cho vay		26.740.422	10.628.216
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	1.320.948.085
27	Tiền thu lãi cho vay và lãi tiền gửi		106.176	121.564.469
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(728.606.256)	(64.834.845)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (Trình bày lại - Thuyết minh số 38)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	23	1.028.901.682	1.576.762.283
34	Tiền trả nợ gốc vay	23	(1.159.850.922)	(1.379.959.316)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính		(130.949.240)	196.802.967
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		93.085.684	1.082.024.116
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		53.262.986	311.458.305
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	5	146.348.670	1.393.482.421



Phạm Thị Lưu Ly
Người lập



Hồ Thị Tuyết Loan
Kế toán trưởng



Võ Thị Mỹ Hạnh
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 5900712753 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“SKHĐT”) Tỉnh Gia Lai cấp vào ngày 26 tháng 5 năm 2010 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“SGDCKHCM”) theo Quyết định số 278/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 10 tháng 7 năm 2015 với mã giao dịch là “HNG”.

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty có mười một (11) công ty con trực tiếp, mười (10) công ty con gián tiếp và một (1) công ty liên kết.

Chi tiết các công ty con như sau:

Tên công ty con	Trụ sở	Tình trạng hoạt động	Tỷ lệ sở hữu (%)
(1) Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh (“Hoàng Anh - Quang Minh”)	Sekong, Lào	Đang hoạt động	97,77
(2) Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	97,77
(3) Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk (“Hoàng Anh Đắk Lắk”)	Đắk Lắk, Việt Nam	Đang hoạt động	99,53
(4) Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu (“Hoàng Anh Attapeu”)	Attapeu, Lào	Đang hoạt động	100,00
(5) Công ty TNHH Hoàng Anh Ratanakiri	Ratanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	100,00
(6) Công ty TNHH Heng Brothers	Ratanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	100,00
(7) Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Ratanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	100,00
(8) Công ty TNHH CRD	Ratanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	100,00
(9) Công ty TNHH Hoàng Anh Andong Meas	Ratanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	97,77
(10) Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	100,00
(11) Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên (“Bò sữa Tây Nguyên”)	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	99,00
(12) Công ty Cổ phần Đông Pênh (“Đông Pênh”)	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	99,90

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Chi tiết các công ty con như sau: (tiếp theo)

<i>Tên công ty con</i>	<i>Trụ sở</i>	<i>Tình trạng hoạt động</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>
(13) Công ty TNHH Một Thành viên Nông nghiệp Daun Penh ("Daun Penh")	Ratanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	99,90
(14) Công ty Cổ phần An Đông Mía ("An Đông Mía")	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	99,50
(15) Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Lumphat ("Hoàng Anh Lumphat")	Ratanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	99,50
(16) Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương ("Cao su Đông Dương")	Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đang hoạt động	100,00
(17) Công ty TNHH Bình Phước Kratie 2	Kratie, Campuchia	Đang hoạt động	100,00
(18) Công ty TNHH Sovann Vuthy	Kratie, Campuchia	Đang hoạt động	100,00
(19) Công ty TNHH Đầu tư Cao su Đông Âu	Hồ Chí Minh, Việt Nam	Trước hoạt động	100,00
(20) Công ty TNHH Cao su Eastern (Cambodia)	Kratie, Campuchia	Trước hoạt động	100,00
(21) Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên ("Cao su Trung Nguyên")	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	99,91

Tình trạng trước hoạt động là các công ty con đang trong giai đoạn đầu tư, vẫn chưa bắt đầu hoạt động kinh doanh chính vào ngày 30 tháng 6 năm 2018.

Hoạt động chính được đăng ký của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") là chăn nuôi và kinh doanh bò thịt và bò sữa; trồng và kinh doanh cao su, cọ dầu, trái cây và các loại cây trồng khác; sản xuất và mua bán cây giống; cung cấp dịch vụ trồng trọt và các vật liệu liên quan; xây dựng nhà các loại; xây dựng công nghiệp và các công trình dân dụng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

Số lượng nhân viên ký kết hợp đồng lao động dài hạn của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 là 2.293 (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 2.129).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam (“Ngàn VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Giả định hoạt động liên tục*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, với giả định rằng Nhóm Công ty sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Nhóm Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018, nợ ngắn hạn của Nhóm Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn là 1.380.179.920 ngàn VND. Ngoài ra, cũng vào ngày này, Nhóm Công ty đã vi phạm một số điều khoản của các khoản vay và trái phiếu như được trình bày tại các Thuyết minh số 23.2, 23.4 và 23.5 của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Nhóm Công ty.

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Nhóm Công ty đang trong quá trình tiếp tục triển khai các dự án để đảm bảo dòng tiền cho hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty, tái cơ cấu một số khoản nợ và đang trong quá trình làm việc với các bên cho vay về việc điều chỉnh các điều khoản đã vi phạm của các hợp đồng vay và thể chấp có liên quan. Hơn nữa, vào ngày 3 tháng 8 năm 2018, Nhóm Công ty cũng đã ký kết một Thỏa thuận Hợp tác Đầu tư Chiến lược với Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải (“THACO”) như được trình bày ở Thuyết minh số 39, qua đó, THACO cam kết sẽ hỗ trợ Nhóm Công ty trong việc tái cơ cấu tài chính và huy động vốn tài trợ các dự án nông nghiệp thuộc sở hữu của Nhóm Công ty. Theo đó, Ban Giám đốc Nhóm Công ty vẫn tiến hành lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể cần được thực hiện nếu báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty được lập trên cơ sở hoạt động không liên tục.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VND").

2.6 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ và các công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các công ty con và Công ty.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con. Trong trường hợp Nhóm Công ty không còn nắm quyền kiểm soát các công ty con thì báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ sẽ bao gồm cả kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn thuộc kỳ báo cáo mà trong giai đoạn đó Nhóm Công ty vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu các công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến khả năng thu hồi bị suy giảm tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và hàng hóa - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - Chi phí nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng với chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên công suất hoạt động bình thường.

Phụ phẩm - phế phẩm

Nhóm Công ty đang theo dõi các mặt hàng phụ phẩm, phế phẩm từ hoạt động sản xuất nông nghiệp về mặt số lượng, với giá trị ghi sổ bằng không tại ngày lập báo cáo tài chính.

Hàng hóa bất động sản

Bất động sản được mua hoặc được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Nhóm Công ty, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng hóa bất động sản theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của hàng hóa bất động sản bao gồm:

- ▶ Chi phí tiền sử dụng đất và tiền thuê đất;
- ▶ Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu; và
- ▶ Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, phí tư vấn, thuế chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung, và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng hóa bất động sản trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và chiết khấu cho giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của bất động sản đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản đó và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích tương ứng của bất động sản đó.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất đã được Nhóm Công ty mua hoặc thuê. Thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất được đánh giá là không có thời hạn hoặc có thời hạn. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn thể hiện giá trị tiền thuê đất được trích hao mòn theo thời gian thuê còn quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không được trích hao mòn.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 20 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 20 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Vật nuôi	8 năm
Quyền sử dụng đất	20 năm
Chương trình phần mềm	5 - 8 năm
Tài sản khác	8 - 15 năm

Vườn cây cao su và tiêu

Ban Giám đốc ước tính thời gian kiến thiết cơ bản ban đầu của vườn cây cao su và tiêu lần lượt là 7 năm và 3 năm tính từ thời điểm bắt đầu trồng. Theo đó, Nhóm Công ty bắt đầu chuyển vườn cây cao su và tiêu đang phát triển dở dang thành tài sản cố định và bắt đầu trích khấu hao sau khi kết thúc thời gian kiến thiết cơ bản này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Khấu hao và hao mòn (tiếp theo)

Vườn cây thanh long

Ban Giám đốc ước tính thời gian kiến thiết cơ bản ban đầu của vườn cây thanh long là 8 đến 9 tháng tính từ thời điểm bắt đầu trồng. Theo đó, Nhóm Công ty bắt đầu chuyển vườn cây thanh long đang phát triển dở dang thành tài sản cố định và bắt đầu trích khấu hao sau khi kết thúc thời gian kiến thiết cơ bản này.

Vườn cọ dầu

Căn cứ theo Báo cáo kết quả khảo sát, đánh giá vườn cây cọ dầu của Nhóm Công ty được thực hiện bởi Viện Khoa học Lâm nghiệp Nam Trung Bộ và Tây Nguyên vào tháng 8/2017, Ban Giám đốc Công ty ước tính thời gian kiến thiết cơ bản ban đầu của vườn cây cọ dầu là 6 năm, phù hợp với đặc điểm sinh trưởng, phát triển của các vườn cây cọ dầu của Nhóm Công ty tại Campuchia và Lào. Theo đó, Nhóm Công ty bắt đầu chuyển vườn cây cọ dầu đang phát triển dở dang thành tài sản cố định và bắt đầu trích khấu hao sau khi kết thúc thời gian kiến thiết cơ bản này.

Khấu hao các vườn cây

Khấu hao đối với vườn cây cao su được thực hiện dựa trên Công văn số 1937/BTC-TCDN ngày 9 tháng 2 năm 2010 của Cục Tài chính Doanh nghiệp - Bộ Tài chính hướng dẫn trích khấu hao vườn cây cao su và Quyết định số 221/QĐ-CSVN ngày 27 tháng 4 năm 2010 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam hướng dẫn tỷ lệ trích khấu hao vườn cây cao su theo chu kỳ khai thác 20 năm.

Khấu hao đối với vườn cây thanh long, tiêu và xoài được thực hiện dựa trên Quyết định số 115/17/QĐ-HAGL Agrico ngày 8 tháng 8 năm 2017 và Quyết định số 0101/18/QĐ-HAGL Agrico ngày 2 tháng 1 năm 2018 của Ban Giám đốc hướng dẫn tỷ lệ trích khấu hao vườn cây thanh long, tiêu và xoài theo chu kỳ khai thác.

Chi tiết như sau:

Năm khai thác	Vườn cây cao su	Vườn cây thanh long	Tỷ lệ khấu hao (%)	
			Vườn tiêu	Vườn xoài
Năm thứ 1	2,50	1,00	4,60	0,30
Năm thứ 2	2,80	3,40	8,50	1,00
Năm thứ 3	3,50	5,00	8,50	2,20
Năm thứ 4	4,40	6,70	8,50	4,30
Năm thứ 5	4,80	8,40	8,50	5,80
Năm thứ 6	5,40	8,40	8,50	5,80
Năm thứ 7	5,40	8,40	6,20	5,80
Năm thứ 8	5,10	8,40	6,20	5,80
Năm thứ 9	5,10	8,40	6,20	5,80
Năm thứ 10	5,00	8,40	3,80	5,80
Năm thứ 11	7,00	6,70	3,80	5,80
Năm thứ 12	6,60	6,70	3,80	5,80
Năm thứ 13	6,20	6,70	3,80	5,80
Năm thứ 14	5,90	6,70	3,80	5,80
Năm thứ 15	5,50	Giá trị còn lại	3,80	5,80
Năm thứ 16	5,40		3,80	5,80
Năm thứ 17	5,00		3,80	5,80
Năm thứ 18	5,50		Giá trị còn lại	5,80
Năm thứ 19	5,20			5,80
Năm thứ 20	Giá trị còn lại			Giá trị còn lại

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 *Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí lũy kế liên quan trực tiếp đến việc xây dựng và phát triển nhà xưởng, văn phòng, vật kiến trúc, vườn cây cao su, cọ dầu và các vườn cây khác của Nhóm Công ty mà chưa được hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Nhà xưởng, văn phòng và vật kiến trúc

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng các nhà xưởng, văn phòng và vật kiến trúc của Nhóm Công ty như chi phí xây dựng, chi phí khảo sát, thiết kế và các chi phí có liên quan khác.

Vườn cây

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát triển vườn cây cao su, cây cọ dầu, vườn tiêu, vườn cây ăn quả và các vườn cây khác như chi phí khảo sát, đền bù đất, khai hoang, vườn ươm, phân bón, vận chuyển cây giống, nguyên vật liệu khác, chi phí nhân công, đường đi và hàng rào, phòng cháy chữa cháy và bảo vệ, thuốc diệt cỏ và các chi phí có liên quan khác.

Dự án bò

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hình thành và phát triển dự án bò như giá trị bò giống, chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng, chuồng trại và các chi phí khác có liên quan.

3.8 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm tiền lãi vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các năm mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

3.9 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và chủ yếu là công cụ, dụng cụ, tiền thuê đất trả trước và chi phí phát triển vườn cây ăn quả và vườn cây khác. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

- Tiền thuê đất trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn, được phân bổ dần không quá ba (03) năm vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ; và
- Chi phí phát triển vườn cây ăn quả, vườn cỏ và vườn cây khác bao gồm: chi phí cây giống, chi phí chuẩn bị đất, trồng và chăm sóc vườn. Chi phí cây giống được phân bổ theo thời gian gắn liền với đặc tính sinh trưởng của cây. Chi phí chuẩn bị đất, trồng và chăm sóc vườn cây được phân bổ theo thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá gốc từ việc hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con được mua, khoản chênh lệch được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng giá gốc trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ Nhóm Công ty đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn so với số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

3.11 Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư của Nhóm Công ty vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong giá trị tài sản thuần của các công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và phần sở hữu của Nhóm Công ty trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được hoặc lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Dự phòng

Nhóm Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Nhóm Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch;
- Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Nhóm Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thực hiện thanh toán.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Việc chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con mà việc ghi chép sổ sách được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Nhóm Công ty là VND được thực hiện như sau:

- Tài sản và nợ phải trả được quy đổi tương ứng theo tỷ giá mua và bán bình quân của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty mở tài khoản vào ngày kết thúc kỳ kế toán;
- Vốn được quy đổi theo tỷ giá thực tế tại ngày góp vốn; và
- Doanh thu, thu nhập khác và các khoản chi phí được quy đổi theo tỷ giá bình quân trong kỳ.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con cho mục đích hợp nhất được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi khoản đầu tư được thanh lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt, và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

3.17 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Đối với việc ghi nhận doanh thu căn hộ, doanh thu được hạch toán khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau đây:

- Nhóm Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu căn hộ cho người mua;
- Nhóm Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý căn hộ như người sở hữu căn hộ hoặc quyền kiểm soát căn hộ;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Nhóm Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán căn hộ; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán căn hộ.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Các khoản tăng hoặc giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được hạch toán vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc thu hồi là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận khi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải nộp phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết khi Nhóm Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết, tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải ghi giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

3.20 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty chủ yếu được xác định dựa trên việc bán các sản phẩm (trồng cây, chăn nuôi, thương mại và dịch vụ và khác). Ban Giám đốc Công ty xác định bộ phận theo khu vực địa lý của Nhóm Công ty dựa theo địa điểm của tài sản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG KỲ

Chuyển nhượng toàn bộ cổ phần trong Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai (“CNGL”)

Vào ngày 20 tháng 3 năm 2018, Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên, công ty con trong Nhóm Công ty, đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp, tương đương với 23,46% tỷ lệ sở hữu trong CNGL, cho Công ty Cổ phần Thực phẩm Heygo. Theo đó, số tiền lãi là 73.082.312 ngàn VND từ việc chuyển nhượng này được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ (*Thuyết minh “TM” số 27.2*).

Mua thêm cổ phần trong Công ty Cổ phần An Đông Mia (“ADM”)

Vào ngày 31 tháng 3 năm 2018, Công ty đã nhận chuyển nhượng 6.000.000 cổ phần, tương đương với 30% tỷ lệ sở hữu trong ADM, từ Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong ADM tăng từ 69,50% lên 99,50%.

Chênh lệch giữa giá phí và giá trị ghi sổ tương ứng với phần sở hữu giá trị tài sản thuần của ADM mua thêm vào ngày giao dịch là 148.694.971 ngàn VND đã được ghi nhận giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (*TM số 24.1*).

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Tiền mặt	3.097.115	3.810.087
Tiền gửi ngân hàng	143.251.555	46.452.899
Các khoản tương đương tiền	-	3.000.000
TỔNG CỘNG	146.348.670	53.262.986

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Phải thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.100.281.359	1.138.718.726
- Công ty Xuất nhập khẩu Mittaphap	145.477.944	9.647.209
- Bà Trịnh Thị Thân	92.763.374	60.076.852
- Công ty TNHH MTV Thương mại Thành An	52.684.105	34.400.372
- Các khách hàng khác	809.355.936	1.034.594.293
Phải thu từ hoạt động xây dựng sân bay cho Chính phủ Lào	735.083.465	737.569.190
Phải thu về thanh lý khoản đầu tư		
- Công ty Cổ phần Thực phẩm Heygo	589.200.000	-
Phải thu về chuyển nhượng dự án	-	132.652.615
TỔNG CỘNG	2.424.564.824	2.008.940.531
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(6.938.060)	(13.042.811)
GIÁ TRỊ THUẦN	2.417.626.764	1.995.897.720
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu các bên thứ ba</i>	2.312.730.550	1.373.049.166
<i>Phải thu các bên liên quan (TM số 33)</i>	111.834.274	635.891.365

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Trả trước cho nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ	135.577.775	698.980.458
- Công ty TNHH Sản xuất Chế biến Nông sản Cát Tường	20.218.907	20.218.907
- Các nhà cung cấp khác	115.358.868	678.761.551
Trả trước cho nhà thầu xây dựng và mua máy móc thiết bị	29.395.903	33.608.709
Trả trước cho thầu phụ của các dự án sân bay tại Lào	2.603.413	3.282.978
TỔNG CỘNG	167.577.091	735.872.145
<i>Trong đó:</i>		
<i>Trả trước cho các bên thứ ba</i>	146.345.476	103.139.592
<i>Trả trước cho các bên liên quan (TM số 33)</i>	21.231.615	632.732.553

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Ngắn hạn		
Cho vay các bên thứ ba	75.462.820	77.026.408
- Ông Phạm Ngọc Anh	73.824.386	74.100.882
- Khác	1.638.434	2.925.526
Cho vay các bên liên quan (TM số 33) (i)	6.993.520	280.606.633
	<u>82.456.340</u>	<u>357.633.041</u>
Dài hạn		
Cho vay các bên thứ ba	152.554.635	169.658.491
- Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Samaki (ii)	152.554.635	141.465.392
- Khác	-	28.193.099
Cho vay các bên liên quan (TM số 33)	-	1.836.056.482
	<u>152.554.635</u>	<u>2.005.714.973</u>
TỔNG CỘNG	235.010.975	2.363.348.014

- (i) Đây là các khoản cho vay tín chấp, không lãi suất, có thời hạn hoàn trả trong năm 2019.
- (ii) Đây là khoản cho vay tín chấp, không lãi suất, có thời hạn hoàn trả từ năm 2021 đến năm 2023.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. PHẢI THU KHÁC

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>
Ngắn hạn		
Tạm ứng cho nhân viên	55.347.164	72.631.171
Lãi cho vay các công ty	14.828.890	61.470.348
Cho mượn các công ty	9.466.798	17.589.684
Khác	56.860.570	74.487.918
	<u>136.503.422</u>	<u>226.179.121</u>
Dài hạn		
Ký quỹ	6.112.404	6.080.073
Lãi cho vay các công ty	-	266.086.939
Cho mượn các công ty	-	248.004.788
Phải thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	125.750.981
	<u>6.112.404</u>	<u>645.922.781</u>
TỔNG CỘNG	<u>142.615.826</u>	<u>872.101.902</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu từ các bên thứ ba</i>	<i>136.998.602</i>	<i>104.447.411</i>
<i>Phải thu từ các bên liên quan (TM số 33)</i>		
- <i>Ngắn hạn</i>	<i>5.617.224</i>	<i>127.811.783</i>
- <i>Dài hạn</i>	<i>-</i>	<i>639.842.708</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. HÀNG TỒN KHO

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.004.293.586	828.112.025
<i>Trong đó:</i>		
<i>Hợp đồng xây dựng (i)</i>	582.563.014	570.300.836
<i>Hoạt động sản xuất, trồng trọt</i>	279.955.912	130.785.570
<i>Chi phí nuôi bò thịt (ii)</i>	141.774.660	127.025.619
Nguyên vật liệu	197.696.702	119.053.882
Hàng hóa	27.394.666	20.005.515
Thành phẩm	25.346.854	12.120.220
Căn hộ chung cư (iii)	16.387.326	30.259.823
Công cụ, dụng cụ	13.630.410	6.380.301
TỔNG CỘNG	1.284.749.544	1.015.931.766
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(22.229.469)	(7.371.362)
GIÁ TRỊ THUẦN	1.262.520.075	1.008.560.404

(i) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Hợp đồng Xây dựng Sân bay Quốc tế Nongkhang tại tỉnh Huaphan, Cộng hòa Dân chủ - Nhân dân Lào theo hợp đồng xây dựng số No.LAO - NKP01, ngày 15 tháng 6 năm 2013 với tổng giá trị nghiệm thu cho đến ngày 30 tháng 6 năm 2018 là: 25.584.644 USD (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 25.584.644 USD).

Theo biên bản làm việc số 27610/GTVT ngày 12 tháng 12 năm 2017 giữa đại diện chủ đầu tư là Cục hàng không dân dụng Chính phủ Lào, đại diện Công ty Tư vấn Giám sát dự án và Nhóm Công ty, dự án đã được gia hạn thời gian thực hiện đến hết tháng 6 năm 2019.

(ii) Tất cả bò thịt đã được thế chấp để đảm bảo các khoản vay của Nhóm Công ty (TM số 23).

(iii) Các căn hộ chung cư đã được thế chấp để đảm bảo các khoản vay của Nhóm Công ty (TM số 23).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Ngàn VND						
	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải và truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Vật nuôi và cây trồng lâu năm	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá							
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	1.343.623.143	380.147.268	2.127.373.358	1.581.532	4.121.447.747	15.737.686	7.989.910.734
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang hoàn thành	11.000.058	461.428	31.493.485	115.067	2.483.898.739	-	2.526.968.777
Mua trong kỳ	448.532	5.030.256	17.963.233	-	-	609.587	24.051.608
Thanh lý trong kỳ	(18.013.612)	(288.469)	-	-	(140.986.778)	-	(159.288.859)
Chênh lệch tỷ giá	(1.060.101)	(509.698)	(1.688.281)	(2.655)	(11.080.865)	(36.554)	(14.378.154)
Ngày 30 tháng 6 năm 2018	<u>1.335.998.020</u>	<u>384.840.785</u>	<u>2.175.141.795</u>	<u>1.693.944</u>	<u>6.453.278.843</u>	<u>16.310.719</u>	<u>10.367.264.106</u>
<i>Trong đó:</i>							
Đã khấu hao hết	10.153.243	34.048.270	28.909.228	913.374	-	2.329.887	76.354.002
Khấu hao lũy kế							
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	281.249.947	172.639.281	366.769.803	1.318.174	293.497.138	4.134.480	1.119.608.823
Khấu hao trong kỳ	48.002.568	24.861.736	88.906.402	52.805	103.682.506	1.024.755	266.530.772
Thanh lý trong kỳ	(5.642.214)	(160.950)	-	-	(41.011.589)	-	(46.814.753)
Chênh lệch tỷ giá	(180.414)	(288.982)	(585.901)	(1.973)	(836.108)	(19.665)	(1.913.043)
Ngày 30 tháng 6 năm 2018	<u>323.429.887</u>	<u>197.051.085</u>	<u>455.090.304</u>	<u>1.369.006</u>	<u>355.331.947</u>	<u>5.139.570</u>	<u>1.337.411.799</u>
Giá trị còn lại							
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	<u>1.062.373.196</u>	<u>207.507.987</u>	<u>1.760.603.555</u>	<u>263.358</u>	<u>3.827.950.609</u>	<u>11.603.206</u>	<u>6.870.301.911</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2018	<u>1.012.568.133</u>	<u>187.789.700</u>	<u>1.720.051.491</u>	<u>324.938</u>	<u>6.097.946.896</u>	<u>11.171.149</u>	<u>9.029.852.307</u>
<i>Trong đó:</i>							
Thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay (TM số 23)	1.010.184.096	187.789.700	1.720.051.491	324.938	6.097.946.896	9.532.317	9.025.829.438

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018, giá trị công trình Khách sạn Hoàng Anh Attapeu, thuộc sở hữu của Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu, công ty con của Công ty, đã được sử dụng để đảm bảo cho khoản vay ngân hàng của Công ty TNHH Mía đường Thành Thành Công Attapeu, bên thứ ba. Chi tiết như sau:

	Ngàn VND			
	<i>Nhà cửa và vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc và thiết bị</i>	<i>Tài sản khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Ngày 30 tháng 6 năm 2018	<u>51.094.854</u>	<u>587.519</u>	<u>1.921.996</u>	<u>53.604.369</u>

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Ngàn VND		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Chương trình phần mềm</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá			
Ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 30 tháng 6 năm 2018	<u>6.648.075</u>	<u>48.197.185</u>	<u>54.845.260</u>
Hao mòn lũy kế			
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	914.110	23.766.614	24.680.724
Hao mòn trong kỳ	<u>166.202</u>	<u>2.991.499</u>	<u>3.157.701</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2018	<u>1.080.312</u>	<u>26.758.113</u>	<u>27.838.425</u>
Giá trị còn lại			
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	<u>5.733.965</u>	<u>24.430.571</u>	<u>30.164.536</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2018	<u>5.567.763</u>	<u>21.439.072</u>	<u>27.006.835</u>

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Ngàn VND	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>
Chi phí phát triển vườn cây cao su và cây cọ dầu (*)	9.299.858.622	10.769.372.185
Chi phí phát triển vườn cây ăn quả (*)	1.766.003.461	1.680.929.811
Xây dựng nhà máy sản xuất cọ dầu	426.567.130	417.589.499
Nhà cửa và vật kiến trúc (*)	304.452.934	265.425.840
Chi phí dự án bò (*)	6.931.646	6.617.792
Chi phí vườn tiêu	2.532.164	114.959.517
Các công trình khác	<u>93.240.723</u>	<u>92.679.704</u>
TỔNG CỘNG	<u>11.899.586.680</u>	<u>13.347.574.348</u>

(*) Các khoản này đã được thế chấp để đảm bảo các khoản vay của Nhóm Công ty (TM số 23).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. CHI PHÍ LÃI VAY ĐƯỢC VỐN HÓA

Trong kỳ, Nhóm Công ty đã vốn hóa các chi phí lãi vay với tổng trị giá là 303.809.273 ngàn VND và chi phí xây dựng cơ bản dở dang (cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017: 427.331.041 ngàn VND). Các khoản chi phí lãi vay này phát sinh từ các khoản vay ngân hàng và phát hành trái phiếu để tài trợ vốn cho việc xây dựng và phát triển nhà cửa và vật kiến trúc, máy móc thiết bị, vườn cây cao su và cọ dầu.

15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty liên kết	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2018		Ngày 31 tháng 12 năm 2017	
		Tỷ lệ sở hữu	Giá trị ghi sổ	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị ghi sổ
		%	Ngàn VND	%	Ngàn VND
Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar (*)	Trồng cây cao su	49,14	301.560.517	49,14	297.149.821
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai (**)	Chăn nuôi và cây ăn quả	-	-	23,46	564.341.889
TỔNG CỘNG			301.560.517		861.491.710

(*) Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar (“Bidiphar”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 3503000155 do SKHĐT Tỉnh Bình Định cấp vào ngày 14 tháng 9 năm 2007 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh. Hoạt động kinh doanh chính của Bidiphar là trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến cao su.

(**) Vào ngày 20 tháng 3 năm 2018, Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên, công ty con trong Nhóm Công ty, đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp, tương đương với 23,46% tỷ lệ sở hữu trong CNGL, cho Công ty Cổ phần Thực phẩm Heygo. Theo đó, số tiền lãi trị giá 73.082.312 ngàn VND từ việc chuyển nhượng này đã được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ (TM số 27.2).

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty liên kết vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 được trình bày như sau:

	Ngàn VND
	Giá trị
Giá trị đầu tư:	
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	875.204.636
Thanh lý công ty liên kết	(589.200.000)
Ngày 30 tháng 6 năm 2018	286.004.636
Phần lỗ kế (lỗ) lợi nhuận sau khi mua công ty liên kết:	
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	(13.712.926)
Phần lỗ từ công ty liên kết	(19.803.378)
Thanh lý công ty liên kết	49.072.185
Ngày 30 tháng 6 năm 2018	15.555.881
Giá trị còn lại:	
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	861.491.710
Ngày 30 tháng 6 năm 2018	301.560.517

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>
Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ	2.041.483	2.678.440
Chi phí phát triển vườn cây ăn quả	1.922.660	24.650.486
Chi phí khác	3.504.814	1.131.556
	<u>7.468.957</u>	<u>28.460.482</u>
Dài hạn		
Chi phí phát triển vườn cây ăn quả	452.090.432	338.295.134
Chi phí khai hoang	100.688.724	119.745.845
Tiền thuê đất	62.081.384	67.902.411
Công cụ, dụng cụ	17.538.044	11.690.885
Chi phí thuê văn phòng	5.265.810	5.303.877
Chi phí khác	11.082.240	9.582.008
	<u>648.746.634</u>	<u>552.520.160</u>
TỔNG CỘNG	<u>656.215.591</u>	<u>580.980.642</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Ngàn VND

	<i>Lợi thế thương mại phát sinh từ nghiệp vụ mua các công ty:</i>					<i>Tổng cộng</i>
	<i>Cao su Trung Nguyên</i>	<i>Đồng Pênh</i>	<i>An Đông Mía</i>	<i>Bò sữa Tây Nguyên</i>	<i>Cao su Đông Dương</i>	
Nguyên giá						
Ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 30 tháng 6 năm 2018	2.667.823.198	611.353.527	565.417.677	72.228.357	168.887.099	4.085.709.858
Phân bổ lũy kế						
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	(289.014.180)	(130.397.632)	(118.470.104)	(19.260.896)	(30.962.635)	(588.105.447)
Phân bổ trong kỳ	(133.391.160)	(30.567.676)	(28.270.884)	(3.611.418)	(8.444.355)	(204.285.493)
Ngày 30 tháng 6 năm 2018	(422.405.340)	(160.965.308)	(146.740.988)	(22.872.314)	(39.406.990)	(792.390.940)
Giá trị còn lại						
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	2.378.809.018	480.955.895	446.947.573	52.967.461	137.924.464	3.497.604.411
Ngày 30 tháng 6 năm 2018	2.245.417.858	450.388.219	418.676.689	49.356.043	129.480.109	3.293.318.918

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Phải trả người bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	288.460.959	677.867.839
- Ông Pramoul Kaokitwilai	29.030.883	28.086.149
- Các nhà cung cấp khác khác	259.430.076	649.781.690
Phải trả nhà thầu xây dựng	2.009.041	4.873.670
Phải trả người bán máy móc và thiết bị	795.520	45.530
Phải trả khác	-	1.346.708
TỔNG CỘNG	291.265.520	684.133.747
Trong đó:		
Phải trả các bên thứ ba	277.036.367	234.741.093
Phải trả các bên liên quan (TM số 33)	14.229.153	449.392.654

19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Các bên thứ ba trả tiền trước	164.878.849	222.218.380
- Công ty Cổ phần Chăn nuôi Bình Hà	84.416.100	103.163.300
- Ông Lim Yau Hewy	23.534.000	23.370.000
- Công ty Cổ phần Truyền thông Cánh Đồng Vàng	-	76.610.536
- Các bên khác	56.928.749	19.074.544
Các bên liên quan trả tiền trước (TM số 33)	2.896.802	145.880.678
TỔNG CỘNG	167.775.651	368.099.058

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngàn VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2018
Thuế thu nhập doanh nghiệp	38.523.595	50.092	(8.580.822)	29.992.865
Thuế giá trị gia tăng	21.093.682	1.863.009	(15.874.093)	7.082.598
Thuế thu nhập cá nhân	5.087.564	11.051.104	(10.702.420)	5.436.248
Thuế khác	6.308.186	606.533	(606.536)	6.308.183
TỔNG CỘNG	71.013.027	13.570.738	(35.763.871)	48.819.894

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>
Ngắn hạn		
Chi phí hoạt động	813.557.921	705.108.055
Chi phí lãi vay	413.121.073	545.998.151
Chi phí khác	22.000.000	22.000.000
	<u>1.248.678.994</u>	<u>1.273.106.206</u>
Dài hạn		
Chi phí lãi vay	<u>700.310.268</u>	<u>1.589.659.464</u>
TỔNG CỘNG	<u>1.948.989.262</u>	<u>2.862.765.670</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả từ các bên thứ ba</i>	<i>1.862.352.806</i>	<i>1.656.593.329</i>
<i>Phải trả từ các bên liên quan (TM số 33)</i>		
- <i>Ngắn hạn</i>	<i>22.950.165</i>	<i>312.598.223</i>
- <i>Dài hạn</i>	<i>63.686.291</i>	<i>893.574.118</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. PHẢI TRẢ KHÁC

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Ngắn hạn		
Phải trả tiền mượn các công ty và cá nhân	1.897.184.631	465.529.914
Phải trả về hợp tác kinh doanh (**)	150.000.000	150.000.000
Phải trả tiền thuê đất	51.900.727	51.528.927
Nhận vốn góp từ các cổ đông (*)	-	1.197.000.000
Phải trả ngắn hạn khác	36.009.081	167.276.273
	<u>2.135.094.439</u>	<u>2.031.335.114</u>
Dài hạn		
Phải trả tiền mượn công ty và cá nhân	590.023.245	653.972.343
Phải trả về hợp tác kinh doanh (***)	550.000.000	1.064.788.889
Phải trả tiền thuê đất	151.366.023	135.665.952
	<u>1.291.389.268</u>	<u>1.854.427.184</u>
TỔNG CỘNG	<u>3.426.483.707</u>	<u>3.885.762.298</u>

Trong đó:

Phải trả các bên thứ ba	448.695.626	1.098.896.957
Phải trả các bên liên quan (TM số 33)		
- Ngắn hạn	1.852.650.088	1.084.916.855
- Dài hạn	1.125.137.993	1.701.948.486

(*) Vào ngày 9 tháng 3 năm 2018, Công ty đã hoàn tất việc phát hành riêng lẻ 119.700.000 cổ phiếu để hoán đổi nợ vay thành vốn cổ phần, theo mệnh giá, phù hợp với Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông bất thường số 1909/17/NQĐHĐCĐ ngày 19 tháng 9 năm 2017 (TM số 24.1).

(**) Hợp đồng hợp tác kinh doanh ("HĐHTKD") giữa Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên (công ty con của Công ty), và Công ty TNHH Dịch vụ Nông Nghiệp Tây Nguyên ("NNTN") (bên liên quan) để đầu tư vào dự án chăn nuôi bò thịt tại Tỉnh Gia Lai với tổng giá trị đầu tư dự kiến vào dự án là 150.000.000 ngàn VND với thời hạn một (1) năm theo hợp đồng hợp tác đầu tư ngày 20 tháng 10 năm 2017. Việc hợp tác đầu tư này sẽ không hình thành pháp nhân mới và lợi nhuận từ dự án sẽ được chia theo tỷ lệ góp vốn thực tế của các bên. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018, NNTN đã góp số tiền là 150.000.000 ngàn VND.

(***) HĐHTKD giữa Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên (công ty con của Công ty), và Công ty TNHH An Tiến ("An Tiến"), bên liên quan, để đầu tư vào dự án chăn nuôi bò thịt và bò sinh sản với tổng giá trị dự án là 963.968.249 ngàn VND với thời hạn năm (5) năm theo Hợp đồng Hợp tác Đầu tư ngày 20 tháng 5 năm 2016. Theo đó, An Tiến sẽ góp 700.000.000 ngàn VND vốn đầu tư vào dự án. Việc hợp tác đầu tư này sẽ không hình thành pháp nhân mới và lợi nhuận từ dự án sẽ được chia theo tỷ lệ góp vốn thực tế của các bên. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018, An Tiến đã góp số tiền là 550.000.000 ngàn VND.

Ngoài ra, trong kỳ, Công ty Cổ phần An Đông Mía, công ty con của Công ty, và Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai, công ty mẹ của Công ty, đã thực hiện chuyển đổi khoản phải trả theo HĐHTKD thành khoản vay theo Hợp đồng vay tiền số 30-03/HĐV-HAGL ngày 30 tháng 3 năm 2018 với giá trị là 514.788.889 ngàn VND (TM số 23.6).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. VAY

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Ngắn hạn		
Vay ngắn hạn ngân hàng (TM số 23.1)	838.786.318	681.528.062
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (TM số 23.4)	307.447.374	99.041.730
Vay dài hạn bên liên quan đến hạn trả (TM số 23.6)	289.612.200	776.500.000
Vay dài hạn trái phiếu đến hạn trả (TM số 23.5)	148.831.510	86.717.200
Vay ngắn hạn từ công ty và cá nhân (TM số 23.2)	61.357.300	61.357.300
Vay ngắn hạn từ bên liên quan (TM số 23.3)	7.823.000	19.914.300
Vay dài hạn từ cá nhân đến hạn trả (TM số 23.7)	5.000.000	-
	<u>1.658.857.702</u>	<u>1.725.058.592</u>
Dài hạn		
Vay dài hạn ngân hàng (TM số 23.4)	5.275.498.764	5.376.165.420
Vay dài hạn bên liên quan (TM số 23.6)	2.823.120.993	5.024.597.558
Vay dài hạn trái phiếu (TM số 23.5)	1.929.303.784	2.030.418.477
Vay dài hạn từ công ty và cá nhân (TM số 23.7)	754.143.367	5.000.000
	<u>10.782.066.908</u>	<u>12.436.181.455</u>
TỔNG CỘNG	<u>12.440.924.610</u>	<u>14.161.240.047</u>

Tình hình tăng giảm các khoản vay như sau:

	Ngàn VND		
	Vay ngắn hạn	Vay dài hạn	Tổng cộng
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	1.725.058.592	12.436.181.455	14.161.240.047
Tiền thu từ đi vay	795.506.250	233.395.432	1.028.901.682
Tiền chi trả nợ gốc vay	(718.004.646)	(441.846.276)	(1.159.850.922)
Chuyển đổi khoản phải trả thành nợ vay	-	1.370.662.875	1.370.662.875
Vay dài hạn đến hạn trả	641.537.251	(641.537.251)	-
Cần trừ với khoản phải thu	(788.591.300)	(2.209.480.067)	(2.998.071.367)
Chi phí phát hành trái phiếu	-	4.382.549	4.382.549
Chênh lệch tỷ giá	3.351.555	30.308.191	33.659.746
Ngày 30 tháng 6 năm 2018	<u>1.658.857.702</u>	<u>10.782.066.908</u>	<u>12.440.924.610</u>

23.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV")	341.899.084	124.692.721
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong ("TPbank")	299.686.888	321.597.754
Ngân hàng Liên doanh Lào Việt ("Laos - Viet Bank")	103.569.467	119.898.087
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín ("Sacombank")	58.519.300	80.737.650
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Campuchia ("BIDC")	35.111.579	34.601.850
TỔNG CỘNG	<u>838.786.318</u>	<u>681.528.062</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. VAY (tiếp theo)

23.1 Vay ngắn hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay ngắn hạn ngân hàng như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2018 Ngàn VND	Nguyên tệ USD	Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/năm	Tài sản thế chấp (TM số 10, 11 và 13)
<i>BIDV, Chi nhánh Gia Lai</i>					
Khoản vay ngày 24 tháng 11 năm 2017	112.205.000	-	Từ ngày 15 tháng 7 năm 2018 đến ngày 16 tháng 10 năm 2018	9,00	2 tầng thuộc khu thương mại tại Tổ hợp chung cư - Thương mại Bà Thạc Gián, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("HAG"); 7 xe ô tô thuộc sở hữu của HAG; 3.310.000 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của HAG; Quyền sử dụng và khai thác 1.194,74 ha cao su tại Xã Pờ Tó, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam thuộc sở hữu của Cao su Trung Nguyên
Khoản vay ngày 5 tháng 2 năm 2018	229.694.084	-	Từ ngày 8 tháng 8 năm 2018 đến ngày 2 tháng 10 năm 2018	9,40 - 10,00	Tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai là động sản và bất động sản (bao gồm vườn cây cao su) trên diện tích đất 335 ha tại Tỉnh Attapeu, Lào thuộc sở hữu của Công ty TNHH MTV Phát Triển Nông Nghiệp Khăn Say. Tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai là vườn cây cao su, cọ dầu và cây ăn trái trên diện tích đất 2.000,13 ha tại Tỉnh Attapeu, Lào thuộc sở hữu Công ty TNHH Phát triển Nông Nghiệp Hoàng Anh Attapeu. Tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai (vườn cây cao su) trên diện tích đất 1.093 ha tại Tỉnh Kratie, Campuchia thuộc sở hữu của Công ty TNHH Cao Su Eastern (Cambodia)
TỔNG CỘNG	341.899.084				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. VAY (tiếp theo)

23.1 Vay ngắn hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay ngắn hạn ngân hàng như sau: (tiếp theo)

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2018 Ngàn VND	Nguyên tệ USD	Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/năm	Tài sản thế chấp (TM số 10, 11 và 13)
<i>TP bank, Chi nhánh Hà Nội</i>					
Khoản vay ngày 21 tháng 4 năm 2017	<u>299.686.888</u>	-	Từ ngày 9 tháng 2 năm 2019 đến ngày 27 tháng 3 năm 2019	10,20 - 10,50	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất thửa đất số 01 với tổng diện tích 180,4 ha tại Xã Kon Thụp, Huyện Mang Yang, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Chăn Nuôi Gia Lai; Quyền sử dụng đất 925 ha thuộc sở hữu của Công ty TNHH Cao su Eastern (Cambodia)
<i>Laos - Viet Bank, Chi nhánh Attapeu</i>					
Khoản vay ngày 9 tháng 7 năm 2015	<u>103.569.467</u>	4.511.494	Ngày 7 tháng 9 năm 2018	10,00	Quyền sử dụng 3 lô đất 1.001,78 ha tại Huyện Laman, Tỉnh Sekong, Lào và toàn bộ tài sản trên đất thuộc dự án nuôi bò và đàn bò nhập khẩu thuộc sở hữu của Hoàng Anh - Quang Minh
<i>Sacombank, Chi nhánh Campuchia</i>					
Khoản vay ngày 20 tháng 6 năm 2017	<u>58.519.300</u>	2.500.000	Ngày 10 tháng 4 năm 2019	9,00	Đất tô nhượng và vườn cao su có địa chỉ tại Thôn Sre Thmay, Xã Khsum, Huyện Snol, Tỉnh Kro Ches, Campuchia có giấy chứng nhận số Kr.0193 ký ngày 16 tháng 8 năm 2016, thuộc sở hữu của Công ty TNHH Cao su Eastern (Cambodia)
<i>BIDC</i>					
Khoản vay ngày 6 tháng 10 năm 2017	<u>35.111.579</u>	1.500.000	Từ ngày 21 tháng 9 năm 2018 đến ngày 2 tháng 11 năm 2018	9,00	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất bao gồm công trình xây dựng và một số dự án đầu tư thuộc sở hữu của Công ty TNHH Cao su Eastern (Cambodia)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. VAY (tiếp theo)

23.2 Vay ngắn hạn từ công ty và cá nhân (*)

Chi tiết của các khoản vay ngắn hạn từ công ty và cá nhân như sau:

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2018 Ngàn VND	Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/năm	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
<i>Bà Trần Thị Hữu Duyên</i>					
Khoản vay số 1	24.581.000	Ngày 27 tháng 8 năm 2018	7,00	Tài trợ vốn lưu động	Tín chấp
Khoản vay số 2	8.948.000	Ngày 30 tháng 1 năm 2018	10,00	Tài trợ vốn lưu động	Tín chấp
Công ty Cổ phần Cảnh Hưng Hải Thành	18.000.000	Ngày 27 tháng 10 năm 2017	9,00	Tài trợ vốn lưu động	Tín chấp
Ông Vũ Duy Khương	9.200.000	Ngày 24 tháng 8 năm 2018	10,00	Tài trợ vốn lưu động	Tín chấp
Ông Chế Đức Toàn	628.300	Ngày 3 tháng 3 năm 2018	10,00	Tài trợ vốn lưu động	Tín chấp
TỔNG CỘNG	<u>61.357.300</u>				

(*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Nhóm Công ty chưa thanh toán cho các khoản vay đến hạn theo lịch thanh toán trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. VAY (tiếp theo)

23.3 Các khoản vay ngắn hạn bên liên quan

Chi tiết của các khoản vay ngắn hạn bên liên quan như sau:

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2018 Ngàn VND	Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/năm	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
-------------	---	------------------------	-------------------	-----------------	--------------------

Ông Dương Hoàng Bắc (TM số 33)

Các khoản vay từ ngày 11 tháng 5 năm 2016 đến ngày 4 tháng 11 năm 2016 (*)	<u>7.823.000</u>	Từ ngày 12 tháng 5 năm 2018 đến ngày 4 tháng 11 năm 2018	10,00	Tài trợ vốn lưu động	Tín chấp
---	------------------	---	-------	-------------------------	----------

(*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Nhóm Công ty chưa thanh toán cho các khoản vay đến hạn theo lịch thanh toán với giá trị là 6.704.000 ngàn VND.

23.4 Vay dài hạn ngân hàng

	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
		Ngàn VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV")	2.313.511.822	2.295.153.685
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh ("HD Bank")	1.195.648.003	1.101.803.662
Ngân hàng Liên doanh Lào Việt ("Laos - Viet Bank")	1.037.670.299	1.049.688.598
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín ("Sacombank")	1.016.804.645	1.028.561.205
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Campuchia ("BIDC")	19.311.369	-
TỔNG CỘNG	<u>5.582.946.138</u>	<u>5.475.207.150</u>
<i>Trong đó:</i>		
Vay dài hạn	5.275.498.764	5.376.165.420
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả	307.447.374	99.041.730

Các khoản vay này được sử dụng chủ yếu để tài trợ cho các dự án phát triển trồng cây cao su, cọ dầu, cây ăn trái; mua sắm máy móc thiết bị và các dự án nuôi bò của Nhóm Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. VAY (tiếp theo)

23.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2018			Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/năm	Tài sản thế chấp (TM số 10, 11 và 13)
	Ngàn VND	Nguyên tệ				
		Ngàn VND	USD			
<i>BIDV, Chi nhánh Gia Lai</i>						
Khoản vay ngày 1 tháng 4 năm 2010 (*)	732.405.812	-	31.850.655	Từ ngày 31 tháng 12 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2026	Lãi suất huy động tiết kiệm của BIDV bằng USD kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau + 4,70%/năm (2018: 7,20)	Quyền sử dụng đất và vườn cây cao su với quy mô 9.996,9 ha tại Huyện Saysetha, San Xay và Phu Vong, Tỉnh Attapeu, Lào thuộc sở hữu của Hoàng Anh Attapeu
Khoản vay ngày 19 tháng 6 năm 2015	598.220.555	313.978.211	12.361.050	Từ ngày 13 tháng 3 năm 2019 đến ngày 28 tháng 12 năm 2019	USD 7,70 - 7,82; VND 9,30 - 11,60	2 tầng thuộc khu thương mại tại Tổ hợp chung cư - Thương mại Bàu Thạc Gián, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam thuộc sở hữu của HAG; 7 xe ô tô thuộc sở hữu của HAG; 3.310.000 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của HAG; Quyền sử dụng và khai thác 1.194,74 ha cao su tại Xã Pờ Tó, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam thuộc sở hữu của Cao su Trung Nguyên

(*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Nhóm Công ty chưa mua bảo hiểm cho các tài sản đảm bảo theo quy định của Hợp đồng Tín dụng này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. VAY (tiếp theo)

23.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau: (tiếp theo)

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2018 Ngàn VND	Nguyên tệ USD	Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/năm	Tài sản thế chấp (TM số 10, 11 và 13)
<i>BIDV, Chi nhánh Gia Lai (tiếp theo)</i>					
Khoản vay ngày 4 tháng 5 năm 2015 (*)	217.959.830	-	Ngày 31 tháng 8 năm 2019	Lãi suất bán vốn nội bộ kỳ hạn lớn hơn 12 tháng do BIDV thông báo + 3,20% (2018: 11,00)	Tài sản hình thành từ vốn vay, dự án chăn nuôi bò thịt tại Tỉnh Gia Lai, Việt Nam thuộc sở hữu của Bò sữa Tây Nguyên
Khoản vay ngày 4 tháng 5 năm 2015	71.776.521	-	Ngày 31 tháng 8 năm 2019	Lãi suất bán vốn nội bộ kỳ hạn lớn hơn 12 tháng do BIDV thông báo + 3,20% (2018: 11,20)	Toàn bộ các hạng mục hình thành trong tương lai thuộc dự án chăn nuôi bò sữa tại Xã Iapech, Huyện IaGrai, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam thuộc sở hữu của Bò Sữa Tây Nguyên
Khoản vay ngày 1 tháng 12 năm 2015	65.968.272	-	Ngày 31 tháng 8 năm 2019	Lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng + 3,00% nhưng không thấp hơn tại thời điểm cho vay, điều chỉnh 3 tháng 1 lần (2018: 9,90)	Tài sản hình thành từ vốn vay, dự án chăn nuôi bò thịt tại Tỉnh Gia Lai, Việt Nam thuộc sở hữu của Bò sữa Tây Nguyên

(*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Nhóm Công ty chưa mua bảo hiểm cho các tài sản đảm bảo theo quy định của Hợp đồng Tín dụng này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. VAY (tiếp theo)

23.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau: (tiếp theo)

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2018 Ngàn VND	Nguyên tệ USD	Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/năm	Tài sản thế chấp (TM số 10, 11 và 13)
<i>BIDV, Chi nhánh Bình Định</i>					
Khoản vay ngày 18 tháng 2 năm 2013 (*)	627.180.832	27.320.046	Từ ngày 25 tháng 12 năm 2018 đến ngày 25 tháng 12 năm 2026	Lãi suất huy động tiết kiệm của BIDV bằng USD kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau + 5,00% (2018: 7,00)	Quyền sử dụng đất Khu căn hộ cao cấp HAGL gồm 85 căn hộ, block A,B,C tại số 40 Đường Hùng Vương, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk; 119 căn hộ thuộc cao ốc văn phòng và nhà ở cao cấp HAGL tại số 06 Đường Hoàng Văn Thụ, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam thuộc sở hữu của HAG; Nhà máy đá Granit HAGL tại Dọc Quốc lộ 14, Xã La Bông, Huyện Đăk Đoa, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam thuộc sở hữu của HAG; Quyền sử dụng đất tại khu quy hoạch dân cư sinh thái Hồ Đồng Đa với tổng diện tích 2.332 m ² , Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam; Quyền sử dụng đất tại Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam với diện tích 6.993,2 m ² ; Quyền sử dụng và khai thác 4.733,01 ha cao su và 3.155,79 ha cọ dầu tại Tỉnh Attapeu, Lào của Hoàng Anh Attapeu
TỔNG CỘNG	2.313.511.822				
<i>Trong đó:</i>					
Vay dài hạn	2.253.737.677				
Vay dài hạn đến hạn trả	59.774.145				

(*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, diện tích cao su của Nhóm Công ty thực tế trồng là 14.825 ha, chưa tuân thủ cam kết trong Hợp đồng Tín dụng là 17.950 ha.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. VAY (tiếp theo)

23.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau: (tiếp theo)

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2018		Nguyên tệ	Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/năm	Tài sản thế chấp (TM số 10, 11 và 13)
	Ngàn VND	Ngàn VND				
<i>HD Bank, Chi nhánh Đồng Nai</i>						
Khoản vay ngày 25 tháng 4 năm 2014 (*)	882.928.544	450.000.000	18.827.073	Từ ngày 25 tháng 6 năm 2020 đến ngày 25 tháng 12 năm 2023	USD: 7,50 VND: 11,00	42.880.000 cổ phiếu HAG của Ông Đoàn Nguyên Đức - Chủ tịch HĐQT và Bà Hoàng Thị Ngọc Bích - vợ Chủ tịch; Quyền sử dụng 7.924 ha đất tại Tỉnh Ratanakiri, Campuchia thuộc sở hữu của Hoàng Anh Lumphat; 13,9 triệu cổ phần của HNG góp vốn tại Công ty Cổ phần An Đông Mía; 6 triệu cổ phần của Công ty Cổ phần Bò Sữa Tây Nguyên góp vốn tại Công ty Cổ phần An Đông Mía; 100.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai tại An Đông Mía
<i>HD Bank, Chi nhánh Đắk Lắk</i>						
Khoản vay ngày 30 tháng 3 năm 2018	100.000.000	100.000.000	-	Từ ngày 30 tháng 9 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020	11,50	Toàn bộ cây ăn trái và quyền khai thác hình thành trong tương lai của dự án trồng cây ăn trái, cây gia vị được thực hiện trên thửa đất tại Xã Ea H'leo, Huyện Ea H'leo, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam và toàn bộ đàn bò sinh sản, bê con sinh ra thuộc sở hữu của Hoàng Anh Đắk Lắk.
Khoản vay ngày 2 tháng 12 năm 2015	48.611.459	48.611.459	-	Từ ngày 26 tháng 9 năm 2018 đến ngày 2 tháng 12 năm 2020	10,50	Tài sản hình thành từ vốn vay, đàn bò và bê con sinh ra thuộc sở hữu của Hoàng Anh Đắk Lắk

(*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, diện tích cao su của Nhóm Công ty thực tế trồng là 4.875,2 ha, chưa tuân thủ theo cam kết trong Hợp đồng Tín dụng là 8.940,5 ha.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. VAY (tiếp theo)

23.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau: (tiếp theo)

<i>Ngân hàng</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Thời hạn thanh toán</i>	<i>Lãi suất</i>	<i>Tài sản thế chấp (TM số 10, 11 và 13)</i>
	<i>Ngàn VND</i>		<i>%/năm</i>	
<i>HD Bank, Chi nhánh Gia Lai</i>				
Khoản vay ngày 30 tháng 9 năm 2016 (*)	99.800.000	Ngày 30 tháng 9 năm 2021	12,50	Toàn bộ cây ăn quả và quyền khai thác hình thành trong tương lai của dự án trồng cây ăn quả bao gồm cả nguồn thu, hoa lợi, lợi tức phát sinh từ dự án thuộc sở hữu của Cao su Trung Nguyên
Khoản vay ngày 1 tháng 7 năm 2017 (**)	55.308.000	Từ ngày 30 tháng 6 năm 2019 đến ngày 30 tháng 6 năm 2020	12,50	Toàn bộ cây ăn trái và quyền khai thác hình thành trong tương lai của dự án; toàn bộ đàn bò (tối thiểu 4.000 con) và quyền đòi nợ phát sinh từ việc bán bò thuộc sở hữu của Cao su Trung Nguyên
Khoản vay ngày 29 tháng 12 năm 2017	9.000.000	Từ ngày 30 tháng 9 năm 2018 đến ngày 30 tháng 6 năm 2020	12,50	Toàn bộ cây ăn trái và quyền khai thác hình thành trong tương lai của dự án (bao gồm cả nguồn thu, hoa lợi, lợi tức phát sinh từ dự án); 15 xe đầu kéo, 15 somi romooc thuộc sở hữu của Cao su Trung Nguyên
TỔNG CỘNG	<u>1.195.648.003</u>			
<i>Trong đó:</i>				
<i>Vay dài hạn</i>	<i>1.132.926.875</i>			
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>62.721.128</i>			

(*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Nhóm Công ty chưa mua bảo hiểm cho các tài sản đảm bảo theo quy định tại Hợp đồng Tín dụng này.

(**) Số lượng đàn bò của Nhóm Công ty chưa tuân thủ yêu cầu về số lượng bò (4.000 con) tại thời điểm giải ngân.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. VAY (tiếp theo)

23.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau: (tiếp theo)

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2018			Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/năm	Tài sản thế chấp (TM số 10, 11 và 13)
	Ngàn VND	Ngàn LAK	USD			
<i>Laos - Viet Bank, Chi nhánh Attapeu</i>						
Khoản vay ngày 5 tháng 8 năm 2015 và ngày 26 tháng 11 năm 2015	435.989.692	-	18.991.746	Từ ngày 25 tháng 11 năm 2018 đến ngày 25 tháng 8 năm 2022	8,75 - 10,00	Trụ sở làm việc của Hoàng Anh Attapeu tại Km 31, Bản Hatxan, Huyện Xaysettha, Tỉnh Attapeu, Lào theo bản đồ đất số 17 001 0008 với diện tích đất 0,3 ha; Nhà máy chế biến mủ cao su tại Huyện Xaysettha, Tỉnh Attapeu, Lào và toàn bộ đàn bò nhập về thuộc sở hữu của Hoàng Anh Attapeu
Khoản vay ngày 15 tháng 3 năm 2013 (*)	281.029.666	38.755.000	7.649.850	Ngày 25 tháng 12 năm 2018 đến ngày 25 tháng 12 năm 2026	LAK: 12,75 USD: 10,00	Quyền sử dụng và khai thác rừng trồng 4.733,01 ha cao su và 3.155,79 ha cọ dầu tại tỉnh Attapeu, Lào của Hoàng Anh Attapeu

(*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Nhóm Công ty chưa mua bảo hiểm cho các tài sản đảm bảo theo quy định của Hợp đồng Tín dụng này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. VAY (tiếp theo)

23.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau: (tiếp theo)

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2018		Thời hạn thanh toán	Lãi suất % năm	Tài sản thế chấp (TM số 10, 11 và 13)
	Ngàn VND	Nguyên tệ Ngàn LAK USD			
<i>Laos - Viet Bank, Chi nhánh Attapeu (tiếp theo)</i>					
Khoản vay ngày 9 tháng 7 năm 2015 (*)	230.199.312	- 10.027.500	Từ ngày 11 tháng 1 năm 2019 đến ngày 1 tháng 10 năm 2022	9,50 - 10,00	Quyền sử dụng 3 lô đất 1.001,78 ha tại Huyện Laman, Tỉnh Sekong, Lào và toàn bộ tài sản trên đất thuộc dự án nuôi bò và đàn bò nhập khẩu trị giá đảm bảo 24.460.000 USD thuộc sở hữu của Hoàng Anh - Quang Minh
Khoản vay ngày 25 tháng 11 năm 2015	90.451.629	- 3.940.080	Từ ngày 25 tháng 8 năm 2018 đến ngày 25 tháng 11 năm 2020	10,00	Tất cả các dụng cụ xây dựng, vật tư máy móc phục vụ cho dự án xây dựng nhà máy chế biến cò dầu phát sinh sau khi bỏ vốn đầu tư thuộc sở hữu của Hoàng Anh Attapeu
TỔNG CỘNG	1.037.670.299				
<i>Trong đó:</i>					
Vay dài hạn	889.366.568				
Vay dài hạn đến hạn trả	148.303.731				

(*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Nhóm Công ty vẫn chưa đảm bảo đủ giá trị đàn bò là 24.460.000 USD theo yêu cầu của Hợp đồng Tín dụng này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. VAY (tiếp theo)

23.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau: (tiếp theo)

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2018			Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/năm	Tài sản thế chấp (TM số 10, 11 và 13)
	Ngàn VND	Nguyên tệ Ngàn VND	USD			
<i>Sacombank, Chi nhánh Sài Gòn</i>						
Khoản vay ngày 28 tháng 12 năm 2016 (*)	300.000.000	300.000.000	-	Từ ngày 25 tháng 6 năm 2020 đến ngày 25 tháng 12 năm 2021	10,00	15.000.000 cổ phiếu HNG do HAG sở hữu; Quyền sử dụng 687,9 ha của Hoàng Anh Đắc Lắc tại Huyện EaH'leo, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam; 18.570.000 cổ phiếu HAG do ông Đoàn Nguyên Đức sở hữu; Nguồn thu từ dự án cao su; 4.999.000 cổ phần thuộc sở hữu của HNG tại Hoàng Anh - Quang Minh

(*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, diện tích cao su của Nhóm Công ty thực tế trồng là 3.122,72 ha, chưa tuân thủ cam kết trong Hợp đồng Tín dụng là 3.476,58 ha.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. VAY (tiếp theo)

23.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau: (tiếp theo)

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2018		Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/năm	Tài sản thế chấp (TM số 10, 11 và 13)
	Ngàn VND	Nguyên tệ Ngàn VND USD			
<i>Sacombank, Chi nhánh Thủ Đức</i>					
Khoản vay ngày 29 tháng 11 năm 2013 (*)	250.000.000	250.000.000	- Từ ngày 25 tháng 12 năm 2021 đến ngày 6 tháng 12 năm 2026	9,60	Quyền sử dụng đất 1.328,1 ha cao su và tài sản gắn liền trên đất tại Huyện Chư Prông, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam; quyền sử dụng đất 479,2 ha tại Xã EaH'leo, Huyện EaH'leo giá trị 95,84 tỷ VND và 683,33 ha tại Xã EaH'leo, Huyện EaH'leo, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam thuộc sở hữu của Cao su Trung Nguyên
Khoản vay ngày 11 tháng 10 năm 2016 (**)	85.000.000	85.000.000	- Từ ngày 25 tháng 4 năm 2020 đến ngày 11 tháng 10 năm 2021	9,50 %/năm cho năm đầu tiên và các năm tiếp theo bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm 13 tháng trả sau của SCB + 2,50 %/năm (2018: 9,50 %)	Quyền sử dụng 1.328 ha cao su và tài sản gắn liền trên đất tại Xã Ia Púch, Huyện Chư Prông, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam thuộc sở hữu của Cao su Trung Nguyên
Khoản vay ngày 18 tháng 7 năm 2017	16.100.000	16.100.000	- Từ ngày 20 tháng 1 năm 2021 đến ngày 20 tháng 7 năm 2022	9,50% cho năm đầu tiên, các năm tiếp theo sẽ được thông báo bởi ngân hàng	Toàn bộ vườn cây cao su, công trình gắn liền với đất, quyền khai thác và các tài sản khác với diện tích 13.281.000 m2 thuộc sở hữu của Cao su Trung Nguyên

(*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, diện tích cao su của Nhóm Công ty thực tế là 5.536 ha, chưa tuân thủ theo cam kết trong Hợp đồng Tín dụng là 9.470 ha.

(**) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, diện tích cao su của Nhóm Công ty thực tế trồng là 3.122,72 ha, chưa tuân thủ theo cam kết trong Hợp đồng Tín dụng là 3.476,58 ha.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. VAY (tiếp theo)

23.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau: (tiếp theo)

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2018		Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/năm	Tài sản thế chấp (TM số 10, 11 và 13)
	Ngân VND	Nguyên tệ Ngân VND USD			
<i>Sacombank, Chi nhánh Campuchia</i>					
Khoản vay ngày 16 tháng 6 năm 2016	80.255.040	- 3.428.571	Ngày 21 tháng 6 năm 2021	9,00	Quyền sử dụng đất: Dự án bia đồ 1 tại Xã Talao, Huyện Ouchum, Tỉnh Ratanakiri, Campuchia; Dự án số 2 tại Xã Nhang, Huyện Andong Meas, Tỉnh Ratanakiri, Campuchia, thuộc sở hữu của Công ty TNHH Cao su Eastern (Cambodia)
Khoản vay ngày 20 tháng 7 năm 2017	22.995.000	- 1.000.000	Từ ngày 24 tháng 1 năm 2019 đến 24 tháng 7 năm 2022	9,00	Quyền sử dụng tô nhượng đất kinh tế 728,24 ha; Lô đất tại Thôn Sre Thmay Xã Khsum, Huyện Snol, Tỉnh Kro Ches, Campuchia, thuộc sở hữu của Công ty TNHH Cao su Eastern (Cambodia)
<i>Sacombank, Chi nhánh Đà Nẵng</i>					
Khoản vay ngày 3 tháng 1 năm 2014	262.454.605	262.454.605	Từ ngày 24 tháng 12 năm 2021 đến ngày 24 tháng 12 năm 2026	2018: 9,60 %/năm và từ 2019 trở đi bằng lãi suất tiết kiệm 13 tháng lãnh lãi cuối năm của Sacombank + (cộng) biên độ 2,00 %/năm được điều chỉnh 3 tháng/lần	23,2 triệu cổ phiếu HAG của Chủ tịch Đoàn Nguyên Đức và 14,5 triệu cổ phần của Hoàng Anh - Quang Minh thuộc sở hữu của Công ty
TỔNG CỘNG	1.016.804.645				
<i>Trong đó:</i>					
Vay dài hạn	987.178.590				
Vay dài hạn đến hạn trả	29.626.055				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. VAY (tiếp theo)

23.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau: (tiếp theo)

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2018 Ngàn VND	Nguyên tệ USD	Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/năm	Tài sản thế chấp (TM số 10, 11 và 13)
<i>BIDC</i>					
Khoản vay ngày 6 tháng 10 năm 2017	<u>19.311.369</u>	825.000	Từ ngày 25 tháng 7 năm 2018 đến ngày 25 tháng 1 năm 2021	9,75	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất bao gồm công trình xây dựng và một số dự án đầu tư thuộc sở hữu của Công ty TNHH Cao su Eastern (Cambodia)
<i>Trong đó:</i>					
Vay dài hạn	12.289.054				
Vay dài hạn đến hạn trả	7.022.315				

(*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Nhóm Công ty chưa mua bảo hiểm cho các tài sản đảm bảo theo quy định của Hợp đồng Tín dụng này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. VAY (tiếp theo)

23.5 Trái phiếu

Trái phiếu thường

Tổ chức thu xếp phát hành	Trái chủ	Ngày 30 tháng 6 năm 2018 Ngàn VND	Lãi suất %/năm	Thời hạn thanh toán	Mục đích	Tài sản thế chấp
Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital (*)	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng ("VPB")	1.394.000.000	10,50% cho 3 kỳ tính lãi đầu tiên và các kỳ tính lãi tiếp theo bằng tổng lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả sau của VPB - Chi nhánh Sở Giao dịch cộng với biên độ 4,50%/năm (2018: 10,80 - 11,60)	Từ ngày 17 tháng 8 năm 2019 đến ngày 17 tháng 12 năm 2021	Để cơ cấu lại một phần nợ gốc trái phiếu có tổng mệnh giá 2.000 tỷ VND (**) được phát hành vào tháng 12 năm 2012, bổ sung vốn cho các dự án đầu tư của Nhóm Công ty bao gồm dự án trồng và chăm sóc cây cao su, cọ dầu và mía đường tại Campuchia và Lào	166.717.250 cổ phiếu HNG được nắm giữ bởi HAG. Trong đó, 31.000.000 cổ phiếu HNG đã được dùng để đảm bảo cho trái phiếu có tổng mệnh giá 600 tỷ VND - Trái phiếu HAGL 600 do HAG phát hành
Công ty Cổ phần chứng khoán IB	VPB	387.617.068	10,50% cho 3 kỳ tính lãi đầu tiên và các kỳ tính lãi tiếp theo bằng tổng lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả sau của VPB cộng với biên độ 4,00% (2018: 10,50 - 11,50)	Từ ngày 27 tháng 9 năm 2018 đến ngày 27 tháng 12 năm 2020	Mục đích phát hành trái phiếu này là để cơ cấu lại nợ lãi trái phiếu của trái phiếu mệnh giá 1.400 tỷ VND	166.345.440 cổ phiếu HNG được nắm giữ bởi HAG; và toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất đối với 7.376 ha đất tại Huyện Lumphat, Tỉnh Ratanakiri, Campuchia thuộc sở hữu của Daun Penh và 4.700.000 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của Chủ tịch HĐQT
Chi phí phát hành trái phiếu		(3.481.774)				
TỔNG CỘNG		2.078.135.294				
Trong đó:						
Trái phiếu dài hạn		1.929.303.784				
Trái phiếu dài hạn đến hạn		148.831.510				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. VAY (tiếp theo)

23.5 Trái phiếu (tiếp theo)

(*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, giá trị tài sản đảm bảo không bằng tối thiểu 200% tổng mệnh giá trái phiếu theo điều khoản ràng buộc trong hợp đồng bảo đảm đã ký kết, và diện tích trồng cây cao su, cọ dầu thực tế tại các công ty con của Công ty là 44.826 ha nhỏ hơn diện tích 70.643 ha đã đăng ký trong hợp đồng đặt mua trái phiếu.

(**) *Trái phiếu kèm chứng quyền*

Vào ngày 5 tháng 12 năm 2012, Công ty đã phát hành 20.000 trái phiếu với tổng giá trị là 2.000 tỷ VND (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 100 triệu VND) do VPBS thu xếp phát hành. Trái phiếu này phải hoàn trả sau ba (3) năm và được ân hạn thêm một (1) năm. Công ty đã mua lại 17.000 trái phiếu với tổng mệnh giá là 1.700 tỷ VND vào ngày 17 tháng 11 năm 2015 và 3.000 trái phiếu còn lại với tổng mệnh giá là 300 tỷ VND vào ngày 18 tháng 5 năm 2016.

Ngoài ra, mỗi trái phiếu phát hành kèm theo một chứng quyền và các chứng quyền này sẽ được coi là chứng khoán hoàn toàn độc lập với các trái phiếu ngay sau khi được phát hành. Mỗi chứng quyền sẽ cho phép người nắm giữ có quyền mua một số lượng cổ phần của Công ty tương đương với 0,000775% tổng số vốn điều lệ thực góp của Công ty tại thời điểm đã thực hiện xong tất cả các chứng quyền và theo nguyên tắc là tất cả các chứng quyền trong đợt phát hành này nếu được thực hiện toàn bộ sẽ luôn đảm bảo cho những người sở hữu chứng quyền quyền sở hữu đối với 15,5% tổng số vốn điều lệ thực góp của Công ty tại thời điểm đã thực hiện xong tất cả các chứng quyền.

Vào ngày 23 tháng 6 năm 2015, theo thỏa thuận giữa ECS - công ty sở hữu 20.000 chứng quyền và Công ty, ngày hết hạn của chứng quyền được gia hạn thêm hai (2) năm. Theo đó, thời hạn thực hiện quyền mua cổ phần theo chứng quyền là ngày 5 tháng 12 năm 2018.

23.6 Các khoản vay dài hạn bên liên quan

Chi tiết của các khoản vay dài hạn bên liên quan như sau:

<i>Bên cho vay</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Thời hạn thanh toán</i>	<i>Lãi suất</i>	<i>Tài sản đảm bảo</i>
	<i>Ngàn VND</i>		<i>%/năm</i>	
<i>Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("HAG"), Công ty mẹ (TM số 33)</i>				
Khoản vay ngày 1 tháng 9 năm 2016	1.346.619.642	Ngày 1 tháng 9 năm 2021	8,00	Tín chấp
Khoản vay ngày 30 tháng 3 năm 2018	514.788.889	Ngày 30 tháng 3 năm 2023	12,00	Tín chấp
Khoản vay ngày 4 tháng 7 năm 2016	352.700.664	Ngày 7 tháng 12 năm 2021	4,20	Tín chấp
Khoản vay ngày 5 tháng 7 năm 2015	300.000.000	Ngày 28 tháng 7 năm 2020	9,75	Tín chấp
Khoản vay ngày 7 tháng 12 năm 2016	289.612.200	Ngày 1 tháng 1 năm 2019	4,20	Tín chấp
Khoản vay ngày 6 tháng 1 năm 2014	259.900.867	Ngày 6 tháng 1 năm 2020	9,75	Tín chấp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. VAY (tiếp theo)

23.6 Các khoản vay dài hạn bên liên quan (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay dài hạn bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2018 Ngàn VND	Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/năm	Tài sản đảm bảo
<i>HAG, Công ty mẹ (TM số 33)</i>				
Khoản vay ngày 10 tháng 8 năm 2017	35.652.404	Ngày 10 tháng 8 năm 2022	10,00	Tín chấp
Khoản vay ngày 24 tháng 11 năm 2017	6.234.058	Ngày 24 tháng 11 năm 2022	10,00	Tín chấp
Khoản vay ngày 25 tháng 12 năm 2017	4.055.460	Ngày 25 tháng 12 năm 2022	10,00	Tín chấp
Khoản vay ngày 1 tháng 6 năm 2018	3.169.009	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	10,00	Tín chấp
TỔNG CỘNG	<u>3.112.733.193</u>			
<i>Trong đó:</i>				
Vay dài hạn	2.823.120.993			
Vay dài hạn đến hạn trả	289.612.200			

Các khoản vay bên liên quan được sử dụng để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động và tài trợ cho các dự án kinh doanh của Nhóm Công ty.

23.7 Các khoản vay dài hạn từ công ty và cá nhân

Chi tiết của các khoản vay dài hạn từ công ty và cá nhân như sau:

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2018 Ngàn VND	Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/năm	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
<i>Huỳnh Trần Thanh Phương</i>					
Khoản vay ngày 28 tháng 6 năm 2017	5.000.000	Ngày 29 tháng 6 năm 2019	6,50	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
<i>Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai</i>					
Khoản vay ngày 30 tháng 6 năm 2018	754.143.367	Ngày 1 tháng 7 năm 2021	11,60	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
TỔNG CỘNG	<u>759.143.367</u>				
<i>Trong đó:</i>					
Vay dài hạn	754.143.367				
Vay dài hạn đến hạn trả	5.000.000				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

24.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<i>Ngàn VND</i>					
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017					
Ngày 1 tháng 1 năm 2017	7.671.438.950	1.064.550.810	544.709.749	391.660.270	9.672.359.779
Lợi nhuận trong kỳ (<i>Trình bày lại - TM số 38</i>)	-	-	-	839.609.808	839.609.808
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	(255.126.722)	-	(255.126.722)
Ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>7.671.438.950</u>	<u>1.064.550.810</u>	<u>289.583.027</u>	<u>1.231.270.078</u>	<u>10.256.842.865</u>
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018					
Ngày 1 tháng 1 năm 2018	7.671.438.950	1.064.550.810	454.592.390	911.299.891	10.101.882.041
Phát hành cổ phiếu (*)	1.197.000.000	-	-	-	1.197.000.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	47.430.709	47.430.709
Giao dịch vốn với cổ đông không kiểm soát của công ty con nhưng không làm mất quyền kiểm soát (<i>TM số 4</i>)	-	-	-	(148.694.971)	(148.694.971)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	15.910.032	-	15.910.032
Ngày 30 tháng 6 năm 2018	<u>8.868.438.950</u>	<u>1.064.550.810</u>	<u>470.502.422</u>	<u>810.035.629</u>	<u>11.213.527.811</u>

(*) Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông ngày 22 tháng 9 năm 2017, đã thông qua việc phát hành 119.700.000 cổ phiếu để hoán đổi nợ. Vào ngày 9 tháng 3 năm 2018, Công ty đã hoàn tất việc phát hành riêng lẻ 119.700.000 cổ phiếu cho các nhà đầu tư chiến lược (*TM số 22*) để hoán đổi nợ phải trả thành vốn cổ phần. Theo đó, vốn cổ phần của Công ty tăng từ 7.671.438.950 ngàn VND lên 8.868.438.950 ngàn VND. Vào ngày 30 tháng 3 năm 2018, Công ty đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai, chấp thuận việc tăng vốn trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

24.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Ngày 1 tháng 1 năm 2018	767.143.895	767.143.895
Tăng vốn trong kỳ	119.700.000	-
Ngày 30 tháng 6 năm 2018	886.843.895	767.143.895

24.3 Cổ phiếu

	<i>Số lượng cổ phiếu</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	886.843.895	767.143.895
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	886.843.895	767.143.895
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	886.843.895	767.143.895

Cổ phiếu phổ thông của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

25. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Ngày 1 tháng 1	50.886.343	59.662.494
Lợi nhuận (lỗ) trong kỳ	6.002.733	(1.364.076)
Giao dịch vốn với cổ đông không kiểm soát của công ty con nhưng không làm mất quyền kiểm soát	(34.491.029)	-
Cổ tức phải trả cho cổ đông không kiểm soát	(495.000)	-
Thanh lý công ty con	-	(11.772.954)
Ngày 30 tháng 6	21.903.047	46.525.464

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (Trình bày lại - TM số 38)</i>
Lợi nhuận sau thuế thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ (ngàn VND)	47.430.709	839.609.808
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong kỳ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (cổ phiếu)	845.180.359	767.143.895
Tăng số lượng cổ phiếu bình quân do ảnh hưởng của cổ phiếu tiềm năng phát sinh từ quyền mua cổ phiếu (i)	<u>162.675.507</u>	<u>162.675.507</u>
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong kỳ đã được điều chỉnh do các yếu tố suy giảm	1.007.855.866	929.819.402
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	56	1.094
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND)	47	903

(i) Như đã trình bày tại TM số 23.5 của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, vào ngày 5 tháng 12 năm 2012, Nhóm Công ty đã phát hành 2.000 tỷ VND trái phiếu kèm chứng quyền với mệnh giá 100 triệu VND/trái phiếu. Các chứng quyền này có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu trong tương lai.

27. DOANH THU

27.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
		<i>Ngàn VND</i>
Doanh thu bán trái cây	1.002.328.608	808.652.723
Doanh thu bán ớt	428.953.248	-
Doanh thu bán hàng hóa, hàng phụ phẩm, phế phẩm	273.347.745	149.313.506
Doanh thu bán mủ cao su	54.829.843	212.498.987
Doanh thu bán tiêu	38.464.495	31.927.849
Doanh thu bán bò	37.697.654	436.166.329
Doanh thu bán căn hộ	11.942.002	7.996.243
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ	4.778.788	16.732.979
Doanh thu bán các sản phẩm ngành đường	-	80.764.242
Doanh thu thuần	<u>1.852.342.383</u>	<u>1.744.052.858</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu thuần với các bên liên quan</i>	<i>406.521.830</i>	<i>104.312.656</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. DOANH THU (tiếp theo)

27.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (Trình bày lại - TM số 38)
Lãi từ thanh lý khoản đầu tư	73.082.312	716.379.792
Lãi tiền cho vay	61.526.252	157.677.292
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	600.808	7.081.427
Lãi tiền gửi ngân hàng	106.176	193.300
Khác	174.238	736.579
TỔNG CỘNG	135.489.786	882.068.390
<i>Trong đó:</i>		
<i>Lãi cho vay các bên liên quan</i>	51.965.983	122.799.407

28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (Trình bày lại - TM số 38)
Giá vốn trái cây đã bán	460.473.622	372.021.587
Giá vốn ớt đã bán	281.939.646	-
Giá vốn hàng hóa	78.414.156	160.830.786
Giá vốn mũ cao su đã bán	51.374.636	161.054.048
Giá vốn tiêu đã bán	35.213.397	17.249.205
Giá vốn bò	57.840.009	351.242.270
Giá vốn căn hộ đã bán	14.230.007	8.164.534
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	4.698.961	11.446.710
Giá vốn của các sản phẩm ngành đường	-	99.912.022
TỔNG CỘNG	984.184.434	1.181.921.162

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Ngàn VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (Trình bày lại - TM số 38)</i>
Chi phí lãi vay	320.783.266	396.447.455
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	62.417.991	13.496.115
Khác	18.244.004	12.982.410
TỔNG CỘNG	<u>401.445.261</u>	<u>422.925.980</u>

30. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Ngàn VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Chi phí bán hàng		
Chi phí vận chuyển	44.282.647	23.727.122
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.346.522	9.134.750
Chi phí nhân viên	5.380.984	4.336.622
Chi phí khấu hao	1.291.711	815.236
Khác	2.798.945	147.330
	<u>65.100.809</u>	<u>38.161.060</u>
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Phân bổ lợi thế thương mại	204.285.493	204.285.493
Chi phí nhân viên	24.282.351	27.283.333
Chi phí khấu hao và hao mòn	8.126.317	6.912.661
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.068.632	8.281.657
Khác	76.742.885	10.899.335
	<u>321.505.678</u>	<u>257.662.479</u>
TỔNG CỘNG	<u>386.606.487</u>	<u>295.823.539</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Ngàn VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Thu nhập khác		
Thu nhập từ thanh lý tài sản	-	74.273.840
Khác	13.201.866	4.206.100
	<u>13.201.866</u>	<u>78.479.940</u>
Chi phí khác		
Chi phí xóa sổ tài sản	(30.684.908)	-
Chi phí phát triển vườn cây	(43.391.615)	-
Chi phí từ thanh lý tài sản	(56.552.766)	-
Khấu hao tài sản ngưng sử dụng	(5.306.438)	(5.895.019)
Các khoản phạt	(3.281.395)	-
Khác	(9.267.615)	(36.323.004)
	<u>(148.484.737)</u>	<u>(42.218.023)</u>
(LỖ) LỢI NHUẬN KHÁC	<u>(135.282.871)</u>	<u>36.261.917</u>

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) bằng 20% trên thu nhập chịu thuế.

Các công ty con của Công ty tại nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất là 24% trên thu nhập chịu thuế cho các hoạt động kinh doanh chính và 2% trên thu nhập chịu thuế cho hoạt động chuyển nhượng dự án. Các công ty con của Công ty tại Campuchia có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế cho các hoạt động kinh doanh chính. Các công ty con này cũng được hưởng ưu đãi, miễn, giảm thuế TNDN theo các GCNĐKKD, Giấy phép Đầu tư tương ứng và các luật thuế hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

32.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Ngàn VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (Trình bày lại - TM số 38)</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	50.092	22.700.403
Thuế TNDN trích (thừa) thiếu những năm trước	(4.681.601)	1.592.205
Chi phí (thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	11.707.805	(104.180.700)
TỔNG CỘNG	<u>7.076.296</u>	<u>(79.888.092)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

32.1 Thuế TNDN hiện hành (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận kế toán trước thuế và thu nhập chịu thuế:

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Ngàn VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (Trình bày lại - TM số 38)</i>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	60.509.738	758.357.640
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>		
Các khoản lỗ của các công ty con	136.406.554	345.230.032
Chi phí phân bổ lợi thế thương mại	204.285.493	204.285.493
Thay đổi lợi nhuận nội bộ chưa thực hiện	(14.419.625)	19.327.395
Lợi nhuận từ hoạt động được miễn thuế	(338.092.862)	(120.870.721)
Chênh lệch lãi vay ở khía cạnh hợp nhất	76.088.699	-
Dự phòng các khoản đầu tư vào công ty con	(58.760.618)	(31.319.128)
Lỗ từ công ty liên kết	19.803.378	3.354.844
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(7.783.733)	(33.474.002)
Các khoản chi phí không được khấu trừ	2.185.305	1.245.007
Lãi từ thanh lý công ty con, công ty liên kết loại trừ khía cạnh hợp nhất	(73.082.312)	(716.379.792)
Cán trừ lỗ năm trước	(65.865.608)	(340.805.288)
Các khoản khác	58.976.046	18.635.283
Thu nhập chịu thuế ước tính trong kỳ	250.455	107.586.763
Thuế TNDN hiện hành ước tính	50.092	22.700.403
Điều chỉnh thuế TNDN trích (thừa) thiếu của kỳ trước	(4.681.601)	1.592.205
Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính trong kỳ	(4.631.509)	24.292.608
Thuế TNDN phải nộp đầu kỳ	38.237.764	10.459.801
Các khoản tăng khác	(17.275)	(575.433)
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	(3.881.946)	-
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	29.707.034	34.176.976
<i>Trong đó:</i>		
Thuế TNDN phải trả	29.992.865	39.167.249
Thuế TNDN trả trước	(285.831)	(4.990.273)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

32.2 Thuế thu nhập hoãn lại

Nhóm Công ty đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả với các biến động trong kỳ thể hiện như sau:

	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (Trình bày lại - TM số 38)</i>
Tài sản thuế TNDN hoãn lại				
Lợi nhuận nội bộ chưa thực hiện	55.215.408	54.262.577	952.831	2.213.597
Thuế TNDN hoãn lại phải trả				
Dự phòng khoản đầu tư	(24.577.116)	(11.916.480)	(12.660.636)	13.736.878
Chênh lệch thuế hoãn lại do thanh lý công ty con	-	-	-	88.230.225
	<u>(24.577.116)</u>	<u>(11.916.480)</u>	<u>(12.660.636)</u>	<u>101.967.103</u>
(Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại			<u>(11.707.805)</u>	<u>104.180.700</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 và ngày 30 tháng 6 năm 2017 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngàn VND</i>	
			<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên quan (đến ngày 20 tháng 3 năm 2018)	Mua hàng hóa Vay và mượn Bán hàng hóa Lãi từ cho vay Chi phí lãi vay Bán bò	73.686.063 27.500.000 17.485.155 7.989.993 5.241.878 -	128.070.165 - 45.203.698 31.073.578 - 21.729.708
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	Bán trái cây	364.652.730	-
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Chi phí lãi vay Vay và mượn Mua hàng hóa, dịch vụ và nguyên vật liệu Lãi từ cho vay Cho vay	184.090.116 109.045.823 10.194.902 8.807.785 3.814.000	325.476.388 66.050.314 37.293.795 - 52.530.000
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty cùng Tập đoàn	Mua hàng hóa và dịch vụ Vay và mượn Cho mượn tiền và vật tư Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	56.678.795 44.900.917 32.045.893 24.383.944	200.900.387 - - 56.245.454
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Công ty liên quan	Lãi từ cho vay	32.239.255	91.725.829

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả của Nhóm Công ty với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngân VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (TM số 6)				
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	Bán trái cây	93.780.942	39.609.909
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa	18.047.513	11.323.460
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên quan (đến ngày 20 tháng 3 năm 2018)	Bán hàng hóa	-	432.326.587
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Bán hàng hóa	-	142.130.700
Công ty Cổ phần Thực phẩm Heygo	Công ty liên quan (đến ngày 31 tháng 1 năm 2018)	Bán hàng hoá	-	4.653.973
Công ty TNHH MTV Xây Lắp Điện	Công ty liên quan	Bán hàng hoá	-	3.245.851
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa	-	485.126
Khác	Bên liên quan	Bán hàng hóa	5.819	2.115.759
			111.834.274	635.891.365
Trả trước cho người bán ngắn hạn (TM số 7)				
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Tạm ứng mua nguyên vật liệu	21.165.132	219.936.349
Công ty TNHH MTV Xây Lắp Điện	Công ty liên quan	Tạm ứng mua hàng hóa	66.483	2.569.366
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên quan (đến ngày 20 tháng 3 năm 2018)	Tạm ứng mua hàng hóa	-	397.012.295
Công ty TNHH MTV Nguyên Vật Liệu Hoàng Thơ	Công ty liên quan	Tạm ứng mua hàng hóa	-	13.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Tạm ứng công trình xây dựng	-	214.543
			21.231.615	632.732.553

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản khoản phải thu và phải trả của Nhóm Công ty với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Lãi suất (%/năm)	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngàn VND	
				Ngày 31 tháng 12 năm 2017	
Phải thu về cho vay ngắn hạn (TM số 8) (*)					
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	0,00	6.993.520	-	
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty cùng Tập đoàn	0,00	-	225.109.500	
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Thăng Long	Công ty liên quan	0,00	-	49.900.701	
Công ty TNHH V&H Corporation (Lào)	Công ty cùng Tập đoàn	0,00	-	5.596.432	
			6.993.520	280.606.633	
Phải thu về cho vay dài hạn (TM số 8) (*)					
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Công ty liên quan	12,00 - 15,00	-	879.354.876	
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên quan (đến ngày 20 tháng 3 năm 2018)	9,75 - 12,00	-	452.417.403	
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	8,00	-	450.231.350	
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty cùng Tập đoàn	0,00	-	54.052.853	
			-	1.836.056.482	

(*) Các khoản cho các bên liên quan vay ngắn hạn và dài hạn đã được phê duyệt tại kỳ họp Đại Hội đồng Cổ đông ngày 23 tháng 6 năm 2018, phù hợp với các điều khoản và quy định liên quan đến việc cung cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các cổ đông và những người có liên quan theo Nghị định 71/2017/ND-CP do Chính phủ ban hành ngày 6 tháng 6 năm 2017 quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả của Nhóm Công ty với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngân VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Phải thu ngắn hạn khác (TM số 9)				
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Cho mượn tạm Khác	2.695.085 1.860.787	3.965.871 313.680
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên quan (đến ngày 20 tháng 3 năm 2018)	Chi trả hộ Cho mượn tạm	-	59.216.723 331.611
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Công ty liên quan	Lãi từ cho vay	-	44.353.801
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty cùng Tập đoàn	Cho mượn vật tư và tài sản	-	11.849.169
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Thăng Long	Công ty liên quan	Lãi từ cho vay	-	7.005.910
Khác	Bên liên quan	Lãi từ cho vay	1.061.352	775.018
			5.617.224	127.811.783
Phải thu dài hạn khác (TM số 9)				
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên quan (đến ngày 20 tháng 3 năm 2018)	Lãi từ cho vay Hợp tác đầu tư	-	141.245.383 125.750.981
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Thăng Long	Công ty liên quan	Cho mượn vật tư và tài sản	-	130.284.692
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty cùng Tập đoàn	Cho mượn vật tư và tài sản Lãi từ cho vay	- -	117.720.096 2.551.686
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Công ty liên quan	Lãi từ cho vay	-	110.903.413
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Lãi từ cho vay	-	11.386.457
			-	639.842.708



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả của Nhóm Công ty với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngàn VND</i>	
			<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>
<i>Phải trả người bán ngắn hạn (TM số 18)</i>				
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Mua vật tư	(10.083.559)	(236.543.574)
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty cùng Tập đoàn	Mua hàng hóa và dịch vụ	(4.091.195)	(83.166.966)
Công ty Cổ phần Bệnh viện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty cùng Tập đoàn	Dịch vụ khám chữa bệnh	(39.303)	(837.038)
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên quan (đến ngày 20 tháng 3 năm 2018)	Mua hàng hóa và dịch vụ	-	(101.950.898)
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Thuê kho	-	(22.997.784)
Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai	Công ty cùng Tập đoàn	Mua nguyên vật liệu	-	(944.414)
Khác	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	(15.096)	(2.951.980)
			(14.229.153)	(449.392.654)
<i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn (TM số 19)</i>				
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty cùng Tập đoàn	Mua hàng hóa	(2.896.802)	(123.784.994)
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Mua hàng hóa	-	(22.074.780)
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Mua hàng hóa	-	(20.904)
			(2.896.802)	(145.880.678)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản khoản phải thu và phải trả của Nhóm Công ty với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Chi phí phải trả ngắn hạn (TM số 21)				
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Chi phí lãi vay	(22.950.165)	(256.888.296)
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên quan (đến ngày 20 tháng 3 năm 2018)	Chi phí lãi vay	-	(40.329.333)
Công ty Cổ phần Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Công ty cùng Tập đoàn	Chi phí lãi vay	-	(10.120.174)
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty cùng Tập đoàn	Chi phí lãi vay	-	(5.260.420)
			(22.950.165)	(312.598.223)
Chi phí phải trả dài hạn (TM số 21)				
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Chi phí lãi vay	(63.686.291)	(893.574.118)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản khoản phải thu và phải trả của Nhóm Công ty với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Phải trả ngắn hạn khác (TM số 22)				
Ông Đoàn Nguyên Đức (*)	Chủ tịch	Mượn tiền	(1.557.500.000)	-
Công ty TNHH Dịch vụ Nông Nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	Hợp tác kinh doanh Mượn tiền	(150.000.000) -	(150.000.000) (4.100.000)
Công ty TNHH Điện Nậm Kông 3	Công ty cùng Tập đoàn	Mượn tiền	(91.827.199)	(90.788.879)
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Mượn tiền	(5.796.321)	(4.907.428)
Công ty TNHH Phát triển nông nghiệp Đại Thắng	Công ty cùng Tập đoàn	Mượn vật tư	(46.868.979)	-
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Tổng Giám đốc	Mượn tiền	(509.089)	(679.085)
Ông Dương Hoàng Bắc	Bên liên quan	Mượn tiền	(148.500)	(247.500)
Công ty Cổ phần Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Công ty cùng Tập đoàn	Nhận vốn góp	-	(500.000.000)
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên quan (đến ngày 20 tháng 3 năm 2018)	Mượn tạm Khác	- -	(243.676.688) (6.422.202)
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty cùng Tập đoàn	Mượn tiền	-	(67.800.000)
Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai - Bangkok	Công ty cùng Tập đoàn	Mượn tiền	-	(7.037.479)
Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai	Công ty cùng Tập đoàn	Mượn tiền	-	(5.950.000)
Công ty TNHH An Tiến	Công ty liên quan	Cổ tức	-	(2.034.000)
Công ty TNHH Khoáng sản Hoàng Anh Sê Kông	Công ty cùng Tập đoàn	Mượn tiền	-	(1.081.374)
Công ty Cổ phần Bệnh viện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty cùng Tập đoàn	Khác	-	(192.220)
			(1.852.650.088)	(1.084.916.855)

(*) Đây là khoản mượn tiền không lãi suất, tín chấp từ Chủ tịch Đoàn Nguyên Đức theo Hợp đồng số 1403/2018/HĐV/NNQT-ĐNĐ, ngày 14 tháng 3 năm 2018 nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản khoản phải thu và phải trả của Nhóm Công ty với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Phải trả dài hạn khác (TM số 22)				
Công ty TNHH Điện Nậm Kông 3	Công ty cùng Tập đoàn	Mượn tiền	(575.137.993)	(616.381.679)
Công ty TNHH An Tiến	Công ty liên quan	Hợp tác kinh doanh	(550.000.000)	(550.000.000)
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Hợp tác kinh doanh Mượn tiền	- -	(514.788.889) (20.777.918)
			(1.125.137.993)	(1.701.948.486)

Vay ngắn hạn (TM số 23.3 và 23.6)

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Vay dài hạn đến hạn trả	(289.612.200)	(478.500.000)
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên quan (đến ngày 20 tháng 3 năm 2018)	Vay dài hạn đến hạn trả	-	(298.000.000)
Công ty Cổ phần Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Công ty cùng Tập đoàn	Vay ngắn hạn	-	(12.091.300)
Ông Dương Hoàng Bắc	Bên liên quan	Vay ngắn hạn	(7.823.000)	(7.823.000)
			(297.435.200)	(796.414.300)

Vay dài hạn (TM số 23.6)

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Vay dài hạn	(2.823.120.993)	(4.898.429.558)
Công ty Cổ phần Thủy Điện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty cùng Tập đoàn	Vay dài hạn	-	(126.168.000)
			(2.823.120.993)	(5.024.597.558)

Lương, thưởng và thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc như sau:

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
Lương, thù lao và thưởng	2.949.051	2.163.785

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

34. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Nhóm Công ty thuê nhiều lô đất tại Việt Nam, Lào và Campuchia để xây dựng nhà xưởng, khách sạn, trồng cây cao su và các loại cây trồng khác và thuê văn phòng theo hình thức thuê hoạt động. Tiền thuê cam kết theo các hợp đồng thuê này như sau:

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Đến 1 năm	27.941.488	27.650.133
Từ 1 đến 5 năm	111.765.954	110.600.534
Trên 5 năm	1.032.625.772	1.035.411.507
TỔNG CỘNG	<u>1.172.333.214</u>	<u>1.173.662.174</u>

35. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Các loại ngoại tệ:		
- LAK	1.212.348.787	1.258.686.556
- Riels Campuchia (KHR)	43.241.955	241.523.551
- USD	7.845.769	830.508

36. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Cam kết quan trọng

Theo hợp đồng chuyển nhượng vốn góp ngày 22 tháng 5 năm 2017 giữa Nhóm Công ty, Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh, cùng thỏa thuận ngày 15 tháng 6 năm 2017, Nhóm Công ty cam kết chịu trách nhiệm vô điều kiện và không hủy ngang đối với bất kỳ khoản nợ, phạt, bồi thường, nghĩa vụ tài chính và/hoặc bất kỳ cam kết bảo lãnh, nhận nợ, biện pháp đảm bảo nào khác (dù là hiện hữu chưa được phản ánh hoặc tiềm tàng) mà Nhóm Công ty Mía đường có nghĩa vụ thực hiện đối với bất kỳ bên thứ ba (bao gồm cả đối với Chính phủ Lào và/hoặc chính phủ Việt Nam) phát sinh vào và trước ngày 31 tháng 8 năm 2016 nhưng chưa được ghi nhận trong báo cáo tài chính hợp nhất ngày 31 tháng 8 năm 2016 của Nhóm Công ty Mía đường, bao gồm nhưng không bị hạn chế bởi các khoản phải nộp liên quan đến:

- (a) Thuế, phí, lệ phí đối với chuyển lợi nhuận từ Nhóm Công ty Mía đường tại Lào về cho Công ty tại Việt Nam theo quy định pháp luật tại Lào và Việt Nam;
- (b) Thuế nhà thầu hoặc thuế có tính chất tương tự đối với hoạt động xây dựng, giải phóng mặt bằng liên quan đến nhà máy và vùng nguyên liệu của Nhóm Công ty Mía đường;
- (c) Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và thuế thu nhập cá nhân của người lao động làm việc tại Nhóm Công ty Mía đường;
- (d) Thuế giá trị gia tăng liên quan đến giao dịch chuyển nhượng tài sản thuộc hoạt động trồng cỏ và nuôi bò của Nhóm Công ty Mía đường; và
- (e) Các nghĩa vụ tài chính, nghĩa vụ thuế khác, các trách nhiệm bồi thường, tố tụng về mặt pháp lý liên quan đến hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty Mía đường trước ngày 31 tháng 8 năm 2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

36. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG (tiếp theo)

Cam kết quan trọng (tiếp theo)

Dự phòng bảo hành các dự án xây dựng Sân bay

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018, Nhóm Công ty đang tiếp tục thực hiện và hoàn thiện các hạng mục còn lại của hai dự án xây dựng sân bay Quốc tế Attapeu tại Tỉnh Attapeu và sân bay Quốc tế Nongkhang tại Tỉnh Huaphan, nước Cộng hòa Dân chủ - Nhân dân Lào. Nhóm Công ty chưa ghi nhận khoản dự phòng bảo hành cho các dự án này, vì các dự án chưa được quyết toán hoàn thành và bàn giao cho chủ đầu tư.

Theo quy định tại Hợp đồng về Dự án xây dựng Sân bay Attapeu số và Dự án xây dựng Sân bay Nongkhang thời gian bảo hành sẽ kéo dài trong thời gian một năm kể từ ngày bàn giao các dự án.

37. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Nhóm công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Bộ phận theo khu vực địa lý của Nhóm Công ty được xác định theo địa điểm của tài sản của Nhóm Công ty. Doanh thu bán hàng ra bên ngoài trình bày trong bộ phận theo khu vực địa lý được xác định dựa trên địa điểm địa lý của khách hàng của Nhóm Công ty.

37.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Nhóm Công ty được tổ chức theo các đơn vị kinh doanh dựa trên các sản phẩm và dịch vụ và bao gồm các bộ phận báo cáo theo hoạt động như sau:

- ▶ Trồng cây công nghiệp và nông nghiệp: trồng cao su, cọ dầu, thu hoạch, chế biến và bán mủ cao su, đường, cọ dầu và các loại cây trồng khác;
- ▶ Chăn nuôi và kinh doanh bò thịt và bò sữa;
- ▶ Thương mại và dịch vụ: dịch vụ xây dựng, mua bán và vận chuyển hàng hóa; và
- ▶ Khác: bán căn hộ, cho thuê văn phòng và dịch vụ khách sạn.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các bộ phận được quản lý riêng biệt nhằm phục vụ cho việc ra quyết định, phân bổ nguồn lực và đánh giá thành tích. Thành tích của các bộ phận được đánh giá dựa trên kết quả lãi lỗ mà trên một số khía cạnh, như được trình bày trong bảng dưới đây, được đo lường khác với kết quả hoạt động kinh doanh trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Nguồn tài trợ, bao gồm thu nhập và chi phí từ hoạt động tài chính; và thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý tập trung ở cấp độ Nhóm Công ty chứ không phân bổ cho các bộ phận.

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

37. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

37.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Trồng trọt	Chăn nuôi	Thương mại và dịch vụ	Khác	Loại trừ	Ngàn VND Tổng cộng
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017						
<i>Doanh thu</i>						
Từ khách hàng bên ngoài	1.133.843.801	436.166.329	161.279.808	12.762.920	-	1.744.052.858
Giữa các bộ phận	48.827.788	55.166.175	165.023.069	-	(269.017.032)	-
Tổng cộng	1.182.671.589	491.332.504	326.302.877	12.762.920	(269.017.032)	1.744.052.858
<i>Kết quả hoạt động kinh doanh</i>						
Kết quả của bộ phận	519.572.881	140.090.234	167.051.084	4.434.529	(269.017.032)	562.131.696
Chi phí không phân bổ						(259.561.622)
Lợi nhuận trước thuế, doanh thu tài chính và chi phí tài chính						302.570.074
Thu nhập tài chính						882.068.390
Chi phí tài chính						(422.925.980)
Chia lỗ trong công ty liên kết						(3.354.844)
Lợi nhuận trước thuế						758.357.640
Thuế TNDN hiện hành						(24.292.608)
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại						104.180.700
Lợi nhuận thuần trong kỳ						838.245.732
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017						
<i>Tài sản và nợ phải trả</i>						
Tài sản của bộ phận	22.576.234.810	2.189.148.276	1.801.653.090	1.357.047.539	-	27.924.083.715
Tiền và các khoản tương đương tiền						53.262.986
Đầu tư vào công ty liên kết						861.491.710
Tài sản không phân bổ						3.443.341.834
Tổng tài sản						32.282.180.245
Nợ phải trả của bộ phận	(11.185.548.967)	(1.857.457.160)	(9.038.819.560)	(11.659.567)	-	(22.093.485.254)
Nợ phải trả không phân bổ						(35.926.607)
Tổng nợ phải trả						(22.129.411.861)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

37. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

37.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Trồng trọt	Chăn nuôi	Thương mại và dịch vụ	Khác	Loại trừ	Ngân VND Tổng cộng
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018						
<i>Doanh thu</i>						
Từ khách hàng bên ngoài	1.524.576.194	37.697.654	278.126.533	11.942.002	-	1.852.342.383
Giữa các bộ phận	465.405.347	-	147.613.018	-	(613.018.365)	-
Tổng cộng	1.989.981.541	37.697.654	425.739.551	11.942.002	(613.018.365)	1.852.342.383
<i>Kết quả hoạt động kinh doanh</i>						
Kết quả của bộ phận	1.160.980.240	(20.142.355)	342.626.434	(2.288.005)	(613.018.365)	868.157.949
Chi phí không phân bổ						(521.889.358)
Lợi nhuận trước thuế, doanh thu tài chính và chi phí tài chính						346.268.591
Thu nhập tài chính						135.489.786
Chi phí tài chính						(401.445.261)
Chia lỗ trong công ty liên kết						(19.803.378)
Lợi nhuận kế toán trước thuế						60.509.738
Thuế TNDN hiện hành						4.631.509
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại						(11.707.805)
Lợi nhuận thuần trong kỳ						53.433.442
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018						
<i>Tài sản và nợ phải trả</i>						
Tài sản của bộ phận	21.338.298.969	2.500.123.395	643.020.752	1.339.656.412	-	25.821.099.528
Tiền và các khoản tương đương tiền						146.348.670
Đầu tư vào công ty liên kết						301.560.517
Tài sản không phân bổ						3.381.227.861
Tổng tài sản						29.650.236.576
Nợ phải trả của bộ phận	(7.935.863.330)	(1.929.712.642)	(7.921.623.526)	(7.211.753)	-	(17.794.411.251)
Nợ phải trả không phân bổ						(620.394.467)
Tổng nợ phải trả						(18.414.805.718)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

37. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

37.2 Bộ phận theo khu vực địa lý

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo khu vực địa lý của Nhóm Công ty như sau:

	Việt Nam	Lào	Campuchia	Trung Quốc	Khác	Ngân VND Tổng cộng
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017						
Doanh thu từ khách hàng bên ngoài	1.020.692.054	659.296.838	64.063.966	-	-	1.744.052.858
Chi phí hình thành tài sản cố định hữu hình	168.928.715	612.332.007	249.160.883	-	-	1.030.421.605
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017						
<i>Các thông tin bộ phận khác</i>						
Tài sản bộ phận	2.629.042.598	13.655.678.863	11.639.362.254	-	-	27.924.083.715
Tiền và các khoản tương đương tiền						53.262.986
Đầu tư vào công ty liên kết						861.491.710
Tài sản không phân bổ						3.443.341.834
Tổng tài sản						32.282.180.245
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018						
Doanh thu từ khách hàng bên ngoài	1.077.102.291	487.301.078	210.378.288	77.560.726	-	1.852.342.383
Chi phí hình thành tài sản cố định	2.389.319	302.551.082	244.488.869	-	-	549.429.270
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018						
<i>Các thông tin bộ phận khác</i>						
Tài sản bộ phận	4.497.460.150	11.869.493.752	9.454.145.626	-	-	25.821.099.528
Tiền và các khoản tương đương tiền						146.348.670
Đầu tư vào công ty liên kết						301.560.517
Tài sản không phân bổ						3.381.227.861
Tổng tài sản						29.650.236.576

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

38. ĐIỀU CHỈNH VÀ PHÂN LOẠI LẠI CÁC DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Trong kỳ, Nhóm Công ty đã điều chỉnh lại một số dữ liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 liên quan đến ảnh hưởng của nghiệp vụ chuyển nhượng 100% tỷ lệ sở hữu của Nhóm Công ty tại Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai và Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu cho bên thứ ba vào ngày 22 tháng 5 năm 2017. Chi tiết thông tin trình bày lại như sau:

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (Đã trình bày trước đây)</i>	<i>Trình bày lại</i>	<i>Ngàn VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (Đã trình bày lại)</i>
--	--	----------------------	---

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(1.161.641.244)	(20.279.918)	(1.181.921.162)
Doanh thu hoạt động tài chính	1.144.837.768	(262.769.378)	882.068.390
Chi phí tài chính	(423.942.070)	1.016.090	(422.925.980)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	(392.064.151)	(4.383.304)	(396.447.455)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.040.390.846	(282.033.206)	758.357.640
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(2.943.286)	107.123.986	104.180.700
Lợi nhuận sau thuế TNDN	1.013.154.952	(174.909.220)	838.245.732
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	1.014.519.028	(174.909.220)	839.609.808

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.040.390.846	(282.033.206)	758.357.640
Khấu hao tài sản cố định	491.546.583	(18.535)	491.528.048
Các khoản dự phòng	(108.111.042)	108.166.664	55.622
Lãi từ hoạt động đầu tư	(1.206.987.554)	258.463.330	(948.524.224)
Chi phí lãi vay	392.064.151	4.383.304	396.447.455
Giảm các khoản phải thu	574.872.661	2.782.349	577.655.010
Tăng hàng tồn kho	(106.929.380)	(100.831.630)	(207.761.010)
Tăng các khoản phải trả	164.703.862	9.087.724	173.791.586

Ngoài ra, một số dữ liệu tương ứng trong bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

39. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Phát hành trái phiếu chuyển đổi trị giá 2.217 tỷ VND.

Vào ngày 6 tháng 5 năm 2018, Đại Hội đồng Cổ đông đã phê duyệt việc phát hành 221.710 trái phiếu chuyển đổi với mệnh giá là 10 triệu VND/trái phiếu cho các cổ đông hiện hữu của Công ty, theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông có liên quan.

Vào ngày 3 tháng 7 năm 2018, Hội đồng Quản trị đã phê duyệt kết quả phát hành 221.710 trái phiếu cho các cổ đông hiện hữu và phương án xử lý cho 221.688 trái phiếu chưa được phân phối hết, theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị có liên quan.

Vào ngày 3 tháng 8 năm 2018, Hội đồng Quản trị đã phê duyệt việc phát hành 221.688 trái phiếu trên cho Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải, bên thứ ba, theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị có liên quan.

Tại ngày báo cáo này, nghiệp vụ phát hành trái phiếu trên đã được hoàn tất.

Vỡ đập thủy điện Xi-Pian Xe-Namnoy tại Lào

Vào ngày 23 tháng 7 năm 2018, đập thủy điện Xi-Pian Xe-Namnoy ở Khu vực Đông nam Lào đã bị vỡ, gây ngập lụt phần lớn diện tích tại Tỉnh Attapeu.

Vào ngày 26 tháng 7 năm 2018, Nhóm Công ty đã công bố Công văn số 2607/18/CV-HAGL Agrico để báo cáo thực trạng các tài sản của Nhóm Công ty sau sự cố vỡ đập thủy điện nói trên. Trong đó, phần lớn diện tích cây trồng của Nhóm Công ty (sở hữu bởi Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Attapeu, công ty con trong Nhóm Công ty), được xác định là nằm cách xa khu vực bị ảnh hưởng. Chỉ một phần diện tích trồng cây cao su nhỏ ở Huyện Sanamsay bị ảnh hưởng, nhưng do cây đang ở độ tuổi trưởng thành nên ước tính không bị ảnh hưởng nhiều. Nhóm Công ty đang thực hiện các biện pháp chống úng cần thiết để giảm thiểu ảnh hưởng từ vụ việc trên.

Ký kết Thỏa thuận Hợp tác Đầu tư Chiến lược giữa Công ty và Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải ("THACO")

Vào ngày 3 tháng 8 năm 2018, Công ty và THACO đã ký kết Thỏa thuận Hợp tác Đầu tư Chiến lược. Theo đó, một số nội dung chính thức đã được thông qua như sau:

- ▶ THACO cam kết hỗ trợ Công ty trong việc cơ cấu các khoản nợ vay, và huy động vốn đầu tư chăm sóc diện tích trồng cây ăn trái đã có, phát triển mở rộng diện tích trồng cây ăn trái dự kiến trong hai (2) năm 2019 và năm 2020; và
- ▶ THACO cam kết đồng hành trong quá trình xây dựng Công ty và các công ty con trở thành Tập đoàn nông nghiệp hùng mạnh, góp phần phát triển ngành nông nghiệp nói riêng và nền kinh tế xã hội của Việt Nam - Lào - Campuchia nói chung.

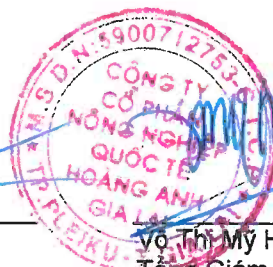
Ngoài các sự kiện nêu trên, không có sự kiện nào khác phát sinh khác sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ có ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.



Phạm Thị Lưu Ly
Người lập



Hồ Thị Tuyết Loan
Kế toán trưởng



Võ Thị Mỹ Hạnh
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2018